

**TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

**HỆ THỐNG WAP/WEB SITE MẠNG XÃ HỘI**

**VIDEO MOCHA**

**TÀI LIỆU PHÂN TÍCH YÊU CẦU**

**NGƯỜI SỬ DỤNG**

**Mã hiệu dự án: VTMedia\_VA\_190425\_Video\_Mocha**

**Mã hiệu tài liệu: VTMedia\_VA\_190425\_Video\_Mocha\_V2.0**

**Hà Nội, 04/2019BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI**

\*A – Tạo mới, M – Sửa đổi, D – Xóa bỏ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày**  **thay đổi** | **Vị trí**  **thay đổi** | **A\***  **M, D** | **Nguồn gốc** | **Phiên**  **bản cũ** | **Mô tả thay đổi** | **Phiên**  **bản mới** |
| 25/04/2019 | Toàn bộ | A\* | TTKT |  | Tạo mới tài liệu | V2.0 |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**TRANG KÝ**

Người lập: Nguyễn Văn Tuấn <Ngày> 17/10/2018

<Dev>

Người xem xét: Nguyễn Trung Nhất <Ngày> 17/10/2018

<Quản trị dự án>

Người phê duyệt: Nguyễn Trung Nhất <Ngày> 17/10/2018

<Quản trị dự án>

**Mục Lục**

[1 GIỚI THIỆU 6](#_Toc8890383)

[1.1 Mục đích tài liệu 6](#_Toc8890384)

[1.2 Phạm vi tài liệu 6](#_Toc8890385)

[1.3 Định nghĩa thuật ngữ và các từ viết tắt 6](#_Toc8890386)

[1.4 Tài liệu tham khảo 6](#_Toc8890387)

[1.5 Mô tả tài liệu 7](#_Toc8890388)

[2 TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG 7](#_Toc8890389)

[2.1 Phát biểu bài toán 7](#_Toc8890390)

[2.2 Mục tiêu hệ thống 7](#_Toc8890391)

[2.3 Phạm vi hệ thống 8](#_Toc8890392)

[2.3.1 Danh sách nhóm người sử dụng hệ thống 8](#_Toc8890393)

[2.3.2 Mô hình tổng thể hệ thống 8](#_Toc8890394)

[3 THỐNG NHẤT YÊU CẦU CHỨC NĂNG/NGHIỆP VỤ 9](#_Toc8890395)

[3.1 Quản lý Nội dung 9](#_Toc8890396)

[3.1.1 Quy trình nghiệp vụ 9](#_Toc8890397)

[3.1.2 Yêu cầu chi tiết chức năng 9](#_Toc8890398)

[3.1.3 Danh sách video chờ duyệt 10](#_Toc8890399)

[3.1.4 Quản lý danh sách video đã duyệt 22](#_Toc8890400)

[3.1.5 Quản lý danh sách video user 34](#_Toc8890401)

[3.1.6 Quản lý danh sách phim của bộ 46](#_Toc8890402)

[3.1.7 Quản lý danh sách video liên quan của bộ 59](#_Toc8890403)

[3.1.8 Quản lý danh sách video live 72](#_Toc8890404)

[3.1.9 Quản lý danh sách giá video 79](#_Toc8890405)

[3.1.10 Quản lý danh sách tên bộ phim 84](#_Toc8890406)

[3.1.11 Quản lý danh sách phim bộ liên quan 91](#_Toc8890407)

[3.1.12 Quản lý danh sách youtube video 93](#_Toc8890408)

[3.2 Quản lý quảng cáo 100](#_Toc8890409)

[3.2.1 Quy trình nghiệp vụ 100](#_Toc8890410)

[3.2.2 Yêu cầu chi tiết chức năng 102](#_Toc8890411)

[3.2.3 Thêm InlineBox 102](#_Toc8890412)

[3.2.4 Quản lý danh sách lineHot 105](#_Toc8890413)

[3.3 Quản lý danh mục 108](#_Toc8890414)

[3.3.1 Quy trình nghiệp vụ 108](#_Toc8890415)

[3.3.2 Yêu cầu chi tiết chức năng 110](#_Toc8890416)

[3.3.3 Thêm chuyên mục 110](#_Toc8890417)

[3.3.4 Quản lý danh sách chuyên mục 113](#_Toc8890418)

[3.3.5 Quản lý danh sách kênh 120](#_Toc8890419)

[3.4 Quản trị hệ thống 123](#_Toc8890420)

[3.4.1 Quy trình nghiệp vụ 123](#_Toc8890421)

[3.4.2 Yêu cầu chi tiết chức năng 124](#_Toc8890422)

[3.4.3 Quản lý danh sách nhóm 127](#_Toc8890423)

[4 CÁC YÊU PHI CHỨC NĂNG 132](#_Toc8890424)

[4.1 Yêu cầu bảo mật 132](#_Toc8890425)

[4.2 Yêu cầu sao lưu 133](#_Toc8890426)

[4.3 Yêu cầu về tính ổn định 133](#_Toc8890427)

[4.4 Yêu cầu về hiệu năng 134](#_Toc8890428)

[4.5 Yêu cầu về giao tiếp 134](#_Toc8890429)

[4.5.1 Giao diện người dùng 134](#_Toc8890430)

[4.5.2 Giao tiếp phần cứng 134](#_Toc8890431)

[4.5.3 Giao tiếp phần mềm bên ngoài 134](#_Toc8890432)

[4.6 Yêu cầu về tính hỗ trợ 134](#_Toc8890433)

[4.7 Yêu cầu về công nghệ và các ràng buộc 135](#_Toc8890434)

[4.8 Các yêu cầu tài liệu người dùng và hỗ trợ trực tuyến 135](#_Toc8890435)

[4.9 Các thành phần mua ngoài 135](#_Toc8890436)

[4.10 Yêu cầu về vận hành khai thác 135](#_Toc8890437)

[4.11 Yêu cầu về giải pháp hạ tầng 136](#_Toc8890438)

[4.12 Yêu cầu về tính ghi log 136](#_Toc8890439)

[5 TIÊU CHUẨN NGHIỆM THU HỆ THỐNG 136](#_Toc8890440)

# GIỚI THIỆU

## Mục đích tài liệu

Tài liệu Phân tích yêu cầu người dùng (PTYC) nhằm trình bày một cách tường minh yêu cầu của người sử dụng về hệ thống nội dung web/wap site Video mocha, bao gồm mục tiêu và phạm vi của hệ thống, các quy trình ngiệp vụ sau khi được tin học hóa, các yêu cầu chức năng và phi chức năng cũng như các rằng buộc khác có liên quan và tiêu chuẩn nghiệm thu hệ thống.

Tài liệu PTYC được sử dụng để làm cơ sở thống nhất và nghiệm thu sản phẩm giữa khách hàng và Trung tâm Truyền thông VT Media về hệ thống web/wap site Video mocha, và là đầu vào cho quá trình phân tích thiết kế xây dựng hệ thống.

## Phạm vi tài liệu

Tài liệu chỉ bao gồm các yêu cầu liên quan đến hệ thống web/wap site Video mocha, được thu thập, phân tích qua quá trình khảo sát tại trung tâm Truyền thông VT Media bao gồm yêu cầu về mục tiêu, phạm vi hệ thống, yêu cầu về quy trình nghiệp vụ, yêu cầu chức năng và các yêu cầu phi chức năng cũng như các tiêu chuẩn nghiệm thu hệ thống.

Các yêu cầu không thuộc các dạng kể trên hoặc yêu cầu không liên quan đến hệ thống web/wap site Video mocha đều không thuộc phạm vi của tài liệu này.

## Định nghĩa thuật ngữ và các từ viết tắt

| Thuật ngữ | Định nghĩa | Ghi chú |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

Bảng : Thuật ngữ và định nghĩa

## Tài liệu tham khảo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên tài liệu | Ngày phát hành | Nguồn | Ghi chú |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Bảng 2: Tài liệu tham khảo

## Mô tả tài liệu

Tài liệu bao gồm 5 phần được tổ chức như sau:

* Phần 1: Giới thiệu – Phần này sẽ trình bày về mục đích và phạm vi và ý nghĩa của tài liệu.
* Phần 2: Tổng quan về hệ thống – Phần này sẽ trình bày cái nhìn tổng quan về hệ thống quản lý nội dung web/wap site Video mocha.
* Phần 3: Các quy trình nghiệp vụ - Phần này là trọng tâm của tài liệu, trình bày các quy trình nghiệp vụ của Hệ thống quản lý nội dung web/wap site Video mocha sau khi tin học hóa và hợp lý hóa.
* Phần 4: Mô hình đối tượng nghiệp vụ - Phần này trình bày các đối tượng nghiệp vụ của hệ thống.
* Phần 5: Các yêu cầu chức năng của người sử dụng – Phần này trình bày về các yêu cầu chức năng (hệ thống phải làm được gì?) của hệ thống.
* Phần 6: Các yêu cầu khác – Phần này trình bày về các yêu cầu phi chức năng và các ràng buộc của hệ thống.
* Phần 7: Các tiêu chuẩn nghiệm thu hệ thống – Phần này trình bày các tiêu chuẩn sẽ được sử dụng để nghiệm thu hệ thống khi hệ thống được xây dựng xong và chuyển giao.

# TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG

## Phát biểu bài toán

Hệ thống web/wap site Video mocha hiện tại đang có nhiều vấn đề liên quan tới việc quản lý thông tin và tương thích với các hệ thống có công nghệ mới hiện nay của tập đoàn

Căn cứ trên thực tế thực hiện công việc cũng như chỉ đạo của ban lãnh đạo VT MEDIA, bài toán đặt ra hướng tới việc phải xây dựng hệ thống mới mà có công nghệ tân tiến hơn, nhằm giúp cho

* Việc quản lý web/wap site Video mocha được thuận tiên hơn
* Việc tích hợp với các hệ thống khác được dễ dàng hơn
* Giao diện người dùng được thân thiện và dễ sử dụng hơn

## Mục tiêu hệ thống

Hệ thống web/wap site Video mocha phải đáp ứng được các mục tiêu sau đây:

* Cho phép người quản lý website có thể crawl, đăng và duyệt video.
* Cho phép người quản lý có thể xem được thống kê tương tác Video.
* Cho phép người dùng vào xem video một cách thuận tiện.

## Phạm vi hệ thống

### Danh sách nhóm người sử dụng hệ thống



Trong mô hình trên:

* Admin: Có toàn quyền trên hệ thống, có trách nhiệm đảm bảo hệ thống chạy ổn định
* Biên tập: Có trách nhiệm đăng tải, sửa, xóa, duyệt Video
* CP: Thực hiện upload video, tạo nhóm video, lấy video từ Youtube và các kênh khác và cập nhật video, nhóm video.
* Khách hang: là người vào xem video, có thể upload video, tạo kênh,…

### Mô hình tổng thể hệ thống



1. Sơ đồ tổng thể hệ thống

# THỐNG NHẤT YÊU CẦU CHỨC NĂNG/NGHIỆP VỤ

## Quản lý Nội dung

### Quy trình nghiệp vụ

#### Thông tin chung

### Yêu cầu chi tiết chức năng

#### **Mô hình phân rã chức năng**



### Danh sách video chờ duyệt ( bảng video\_item có active = [0,9])

##### *Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách video chờ duyệt |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng duyệt video đã được biên tập |
| **Tác nhân** | Bộ phận biên tập |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Video được duyệt thành công |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

* **Biểu đồ luồng xử lý chức năng**



* **Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống. 2. Người dùng chọn chức năng “Video chờ duyệt” | 1. Load danh sách video chờ duyệt. | Danh sách video chờ duyệt |
| 1. Chọn Video cần duyệt | 1. Kiểm tra xem đã chọn video nào chưa:  * Fail: thông báo đã duyệt video. * True: gọi chức năng duyệt video đã chọn | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* **Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn Video chờ duyệt người dùng chọn các video cần duyệt | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã chọn video nào chưa  * Nếu người dùng chưa chọn tin bài nào để duyệt, hệ thống sẽ báo lỗi và bắt người dùng phải chọn ít nhất một tin bài | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

##### *Thông tin chung chức năng*

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Ds video” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin video | Màn hình thêm video |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin video vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin nhập chưa đầy đủ, hệ thống sẽ hiển thị báo lỗi và bắt người dùng nhập lại | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video chờ duyệt***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Cách hiển thị |  | Selectbox | 2 –không Convert  0-Convert mp4  1-Convert Adaptive | Khi người dùng chọn không convert hệ thông sẽ lưu trường active =3 trong bảng video-items và cập nhập trường covert-type = 2 trong bảng sysConvert  Khi người dùng chọn convert mp4 hoặc convert Adaptive hệ thống sẽ cập nhập trường active =2 trong bảng video\_item và trường convert\_type bằng 0 khi luwajc chọn convert mp4 và bẳng 1 khi lựa chọn convert adaptive lua vào bang sysConvert. |
|  | Chuyên mục | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống (được hiển thị ở cột chuyên mục trên giao diện) | Data được lấy từ bảng category lưu id của kênh được chọn vào trường cate\_id |
|  | FilmGroup | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả phim bộ trong hệ thống | Data được lấy từ bảng film\_group lưu id của film\_group được chọn vào trường filmgroups\_id  + khi người dùng chua chọn kệnh mà đã chọn filmGroup Hệ thống sẽ thông báo yêu cầu chọn lại.  + khi người dùng chưa chọn film mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo filmGropup không được bỏ chống. |
|  | Chọn kênh | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả kênh trong hệ thống (được hiển thị ở cột kênh trên giao diện) | Data được lấy từ bảng Channels lưu id của kênh được chọn vào trường channel\_id.  + khi người dùng chưa chọn kênh mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo kênh không được bỏ chống. |
|  | Tiêu đề | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường video\_title  (được hiển thị ở cột tên trên giao diện) | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-255 ký tự). |
|  | Tên tập phim |  | Textbox(varchar) | Trường film\_chapter |  |
|  | Tập |  | number | Trường eps\_num (được hiển thị ở cột số tập trên giao diện) |  |
|  | Browser - File ảnh đại diện (.jpg) | Bắt buộc | Button | Video\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định**(jpg, jpeg png)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”.  + Khi người dùng nhập không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tye lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 16:9)** |
|  | Browser - File ảnh banner web (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng kích thước ảnh hệ thống sẽ thông báo ảnh sai kích thước yêu cầu nhập lại  **(kích thước w:1920, h:665)** |
|  | Browser - File ảnh banner wap (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tỷ lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 1:1)** |
|  | Browser - File Video (.mp4) | Bắt buộc | Button | Video\_media | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định **(mp4)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” |
|  | Trạng thái hiển thị trang chủ |  | checkbox | Trong is\_new  Mặc định = 0  Tích chọn is\_new = 1 |  |
|  | Trạng thái hot |  | checkbox | Trong is\_hot  Mặc định = 0  Tích chọn is\_hot = 1 |  |
|  | Trạng thái độc quyền |  | checkbox | Trong exclusive  Mặc định = 0  Tích chọn exclusive = 1 |  |
|  | Intro |  | checkbox | Trong is\_intro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_intro\_adv = 1 |  |
|  | Outro |  | checkbox | Trong is\_outtro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_outtro = 1 |  |
|  | Logo |  | checkbox | Trong is\_use\_logo  Mặc định = 0  Tích chọn is\_use\_logo = 1 |  |
|  | Is\_vtm |  | checkbox | Khi người dùng click chọn checkbox hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id =1 nếu không click chọn trường source\_id có giá trị mặc định =0 |  |
|  | Thời gian publish |  | datetime | Trường publish\_time (được hiển thị ở cột thời gian xuất bản trên màn hình) |  |
|  | runningtext |  | Textbox (varchar) | Trường running\_text |  |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) | Trường video\_desc |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng video\_item |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Duyệt**

* Khi click chọn checkbox cho video cho 3 trạng thái:
* Trạng thái 1: Khi người dùng click chọn vào ô checkbox phai ngoài cùng hệ thống sẽ gửi tin nhắn “video của bạn đã được phê duyệt” cho user upload video đó và những người theo dõi kênh của user đó.
* Trạng thái 2: khi người dùng click chọn checkbox video với trạng thái notpush hệ thống sẽ gửi tin nhắn cho user upload video xác nhận video đã được duyệt và khong gửi tin nhắn cho những người theo dẽo kênh của user đó
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo ngày tạo (theo trường created\_at)**
* Khi người dùng lựa chọn khoảng thời gian cần tìm kiếm nhấp butom search hệ thống sẽ trả về kết quả tìm kiếm theo khoảng thời gian đó
* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDVideo: tìm kiếm theo trường id trong bang video items.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường video\_title trong bảng video\_items.

+Description: tìm kiếm theo trường video\_decs trong bảng video\_items.

+IdYoutube: tìm kiếm theo trường youtube\_id trong bang video\_itens.

+Người tạo: tìm kiếm theo trường cms\_username trong bảng video\_items.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Hiển thị toàn bộ: trong dữ liệu có trạng thái active = 10.

+ Hiển thị tìm kiếm đễ xuất: Video có active = 11

+Hiển thị listVideo của kênh : video có active = 12

+ Ẩn toàn bộ: video có active = 0;

* **Tìm kiếm theo chuyên mục**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng categorys
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường cate\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo kênh**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng channels
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường channel\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo đối tác**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng partner
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường partner\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.

1. **Các chức năng khác**

* **Đặt lịch**
* Khi người dùng lựa chọn thời gian và click chọn video muốn đặt lịch sau đó click vào button đặt lịch hệ thống sẽ update lại trường publish\_time trong bảng video\_items.
* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.
* **Tạo link GA**
* Khi người dùng chọn video muốn tạo link GA hệ thống vào button đặt link ga, link ga sẽ được tạo và hiển thị ở input bên cạnh có dịnh dạng

http://video.mocha.com.vn/slug-tid\_video?type=(khiểu GA = giá trị lực chọn ở selecbox bên cạnh buton GA 200/203/204/205).

* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Not push |  | checkbox |  |  |
|  | Ảnh |  |  | Trường image\_path |  |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường video\_title |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường cate\_id trong bang video\_items join vào bảng categorys để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Kênh |  |  | Từ trường channel\_id trong bang video\_items join vào bảng channel để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Đối tác |  |  | Từ trường partner\_id trong bang video\_items join vào bảng partner để lấy tên tương ứng với partner\_id |  |
|  | Ishot |  |  | Trường is\_hot | Khi người dùng click thay đổi trạng thái hot khi click vào icon hệ thông sẽ cập nhập trường is\_hot =0 với trường hợp là dấu “X”hoặc bằng 1 với trường hợp là dấu “V” |
|  | Is View |  |  | Trường is\_view(số lượt view) |  |
|  | Trạng thái hiển thị |  |  | Trường active  = 10 hiển thị toàn bộ  = 11 hiển thị tìm kiếm đề xuất  = 12 hiển thị listVideo của kênh |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Thời gian xuất bản |  |  | Trường publicsh\_time |  |
|  | **Publish\_time\_first** |  |  | **Lấy từ trường publish\_time\_first** | **Khi tạo mới một video trường publish\_time\_first có giá trị bằng trường publish\_time.** |
|  | userLogin |  |  | misdn |  |
|  | Giá |  | button |  |  |
| 10 | Sửa |  | Tên video link |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của video đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới video |
| 12 | Xem |  | Button |  | Người dùng click button xem hệ thống sẽ mở video cho người dùng xem video bao gồm các thông tin mv , tiêu đề và mô tả về video đó. |
| 36 | Giá |  | Link |  | Khi người dùng click vào button giá video sẽ hiển thị màn hình edit của danh sách giá video trong bảng itemvideo\_cp\_price |
|  | User\_duyêt |  |  | Trường cms\_username |  |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý danh sách video đã duyệt (bảng video\_item có active = [10,20])

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách các video đã duyệt |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý, thay đổi trạng thái các video đã duyệt |
| **Tác nhân** | Bộ phận biên tập |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Thay đổi trạng thái video thành công |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Video đã duyệt” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng thao tác | Màn hình danh sách video đã duyệt |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

##### *Thông tin chung chức năng*

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Ds video” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin video | Màn hình thêm video |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin video vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin nhập chưa đầy đủ, hệ thống sẽ hiển thị báo lỗi và bắt người dùng nhập lại | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Cách hiển thị |  | Selectbox | 2 –không Convert  0-Convert mp4  1-Convert Adaptive | Khi người dùng chọn không convert hệ thông sẽ lưu trường active =3 trong bảng video-items và cập nhập trường covert-type = 2 trong bảng sysConvert  Khi người dùng chọn convert mp4 hoặc convert Adaptive hệ thống sẽ cập nhập trường active =2 trong bảng video\_item và trường convert\_type bằng 0 khi luwajc chọn convert mp4 và bẳng 1 khi lựa chọn convert adaptive lua vào bang sysConvert. |
|  | Chuyên mục | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống (được hiển thị ở cột chuyên mục trên giao diện) | Data được lấy từ bảng category lưu id của kênh được chọn vào trường cate\_id |
|  | FilmGroup | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả phim bộ trong hệ thống | Data được lấy từ bảng film\_group lưu id của film\_group được chọn vào trường filmgroups\_id  + khi người dùng chua chọn kệnh mà đã chọn filmGroup Hệ thống sẽ thông báo yêu cầu chọn lại.  + khi người dùng chưa chọn film mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo filmGropup không được bỏ chống. |
|  | Chọn kênh | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả kênh trong hệ thống (được hiển thị ở cột kênh trên giao diện) | Data được lấy từ bảng Channels lưu id của kênh được chọn vào trường channel\_id.  + khi người dùng chưa chọn kênh mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo kênh không được bỏ chống. |
|  | Tiêu đề | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường video\_title  (được hiển thị ở cột tên trên giao diện) | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-255 ký tự). |
|  | Tên tập phim |  | Textbox(varchar) | Trường film\_chapter |  |
|  | Tập |  | number | Trường eps\_num (được hiển thị ở cột số tập trên giao diện) |  |
|  | Browser - File ảnh đại diện (.jpg) | Bắt buộc | Button | Video\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định**(jpg, jpeg png)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”.  + Khi người dùng nhập không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tye lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 16:9)** |
|  | Browser - File ảnh banner web (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng kích thước ảnh hệ thống sẽ thông báo ảnh sai kích thước yêu cầu nhập lại  **(kích thước w:1920, h:665)** |
|  | Browser - File ảnh banner wap (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tỷ lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 1:1)** |
|  | Browser - File Video (.mp4) | Bắt buộc | Button | Video\_media | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định **(mp4)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” |
|  | Trạng thái hiển thị trang chủ |  | checkbox | Trong is\_new  Mặc định = 0  Tích chọn is\_new = 1 |  |
|  | Trạng thái hot |  | checkbox | Trong is\_hot  Mặc định = 0  Tích chọn is\_hot = 1 |  |
|  | Trạng thái độc quyền |  | checkbox | Trong exclusive  Mặc định = 0  Tích chọn exclusive = 1 |  |
|  | Intro |  | checkbox | Trong is\_intro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_intro\_adv = 1 |  |
|  | Outro |  | checkbox | Trong is\_outtro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_outtro = 1 |  |
|  | Logo |  | checkbox | Trong is\_use\_logo  Mặc định = 0  Tích chọn is\_use\_logo = 1 |  |
|  | Is\_vtm |  | checkbox | Khi người dùng click chọn checkbox hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id =1 nếu không click chọn trường source\_id có giá trị mặc định =0 |  |
|  | Thời gian publish |  | datetime | Trường publish\_time (được hiển thị ở cột thời gian xuất bản trên màn hình) |  |
|  | runningtext |  | Textbox (varchar) | Trường running\_text |  |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) | Trường video\_desc |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng video\_item |

*Message báo lỗi*

N/A

1. Gỡ Duyệt

* Khi click chọn checkbox cho video cho 2 trạng thái:
* Khi người dùng click chọn video cần gỡ duyệt hệ thống sẽ cập nhập trường active bằng -3
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo ngày tạo (theo trường created\_at)**
* Khi người dùng lựa chọn khoảng thời gian cần tìm kiếm nhấp butom search hệ thống sẽ trả về kết quả tìm kiếm theo khoảng thời gian đó
* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDVideo: tìm kiếm theo trường id trong bang video items.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường video\_title trong bảng video\_items.

+Description: tìm kiếm theo trường video\_decs trong bảng video\_items.

+IdYoutube: tìm kiếm theo trường youtube\_id trong bang video\_itens.

+Người tạo: tìm kiếm theo trường cms\_username trong bảng video\_items.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Hiển thị toàn bộ: trong dữ liệu có trạng thái active = 10.

+ Hiển thị tìm kiếm đễ xuất: Video có active = 11

+Hiển thị listVideo của kênh : video có active = 12

+ Ẩn toàn bộ: video có active = 0;

* **Tìm kiếm theo chuyên mục**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng categorys
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường cate\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo kênh**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng channels
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường channel\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo đối tác**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng partner
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường partner\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.

1. **Các chức năng khác**

* **Đặt lịch**
* Khi người dùng lựa chọn thời gian và click chọn video muốn đặt lịch sau đó click vào button đặt lịch hệ thống sẽ update lại trường publish\_time trong bảng video\_items.
* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.
* **Tạo link GA**
* Khi người dùng chọn video muốn tạo link GA hệ thống vào button đặt link ga, link ga sẽ được tạo và hiển thị ở input bên cạnh có dịnh dạng

domain/slug-tid\_video.html?type=(khiểu GA = giá trị lực chọn ở selecbox bên cạnh buton GA 200/203/204/205).

* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Not push |  | checkbox |  |  |
|  | Ảnh |  |  | Trường image\_path |  |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường video\_title |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường cate\_id trong bang video\_items join vào bảng categorys để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Kênh |  |  | Từ trường channel\_id trong bang video\_items join vào bảng channel để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Đối tác |  |  | Từ trường partner\_id trong bang video\_items join vào bảng partner để lấy tên tương ứng với partner\_id |  |
|  | Ishot |  |  | Trường is\_hot | Khi người dùng click thay đổi trạng thái hot khi click vào icon hệ thông sẽ cập nhập trường is\_hot =0 với trường hợp là dấu “X”hoặc bằng 1 với trường hợp là dấu “V” |
|  | Is View |  |  | Trường is\_view(số lượt view) |  |
|  | Trạng thái hiển thị |  |  | Trường active  = 10 hiển thị toàn bộ  = 11 hiển thị tìm kiếm đề xuất  = 12 hiển thị listVideo của kênh |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Thời gian xuất bản |  |  | Trường publicsh\_time |  |
|  | **Publish\_time\_first** |  |  | **Lấy từ trường publish\_time\_first** | **Khi tạo mới một video trường publish\_time\_first có giá trị bằng trường publish\_time.** |
|  | userLogin |  |  | misdn |  |
|  | Giá |  | button |  |  |
| 10 | Sửa |  | Tên video link |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của video đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới video |
| 12 | Xem |  | Button |  | Người dùng click button xem hệ thống sẽ mở video cho người dùng xem video bao gồm các thông tin mv , tiêu đề và mô tả về video đó. |
| 36 | Giá |  | Link |  | Khi người dùng click vào button giá video sẽ hiển thị màn hình edit của danh sách giá video trong bảng itemvideo\_cp\_price |
|  | User\_duyêt |  |  | Trường cms\_username |  |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý danh sách video user (bảng video\_item có trường msisdn !=’’)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách video |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách video |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách video user” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem danh sách video user | Màn hình danh sách video user |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Ds video” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin video | Màn hình thêm video |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin video vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin nhập chưa đầy đủ, hệ thống sẽ hiển thị báo lỗi và bắt người dùng nhập lại | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Cách hiển thị |  | Selectbox | 2 –không Convert  0-Convert mp4  1-Convert Adaptive | Khi người dùng chọn không convert hệ thông sẽ lưu trường active =3 trong bảng video-items và cập nhập trường covert-type = 2 trong bảng sysConvert  Khi người dùng chọn convert mp4 hoặc convert Adaptive hệ thống sẽ cập nhập trường active =2 trong bảng video\_item và trường convert\_type bằng 0 khi luwajc chọn convert mp4 và bẳng 1 khi lựa chọn convert adaptive lua vào bang sysConvert. |
|  | Chuyên mục | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống (được hiển thị ở cột chuyên mục trên giao diện) | Data được lấy từ bảng category lưu id của kênh được chọn vào trường cate\_id |
|  | FilmGroup | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả phim bộ trong hệ thống | Data được lấy từ bảng film\_group lưu id của film\_group được chọn vào trường filmgroups\_id  + khi người dùng chua chọn kệnh mà đã chọn filmGroup Hệ thống sẽ thông báo yêu cầu chọn lại.  + khi người dùng chưa chọn film mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo filmGropup không được bỏ chống. |
|  | Chọn kênh | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả kênh trong hệ thống (được hiển thị ở cột kênh trên giao diện) | Data được lấy từ bảng Channels lưu id của kênh được chọn vào trường channel\_id.  + khi người dùng chưa chọn kênh mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo kênh không được bỏ chống. |
|  | Tiêu đề | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường video\_title  (được hiển thị ở cột tên trên giao diện) | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-255 ký tự). |
|  | Tên tập phim |  | Textbox(varchar) | Trường film\_chapter |  |
|  | Tập |  | number | Trường eps\_num (được hiển thị ở cột số tập trên giao diện) |  |
|  | Browser - File ảnh đại diện (.jpg) | Bắt buộc | Button | Video\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định**(jpg, jpeg png)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”.  + Khi người dùng nhập không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tye lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 16:9)** |
|  | Browser - File ảnh banner web (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng kích thước ảnh hệ thống sẽ thông báo ảnh sai kích thước yêu cầu nhập lại  **(kích thước w:1920, h:665)** |
|  | Browser - File ảnh banner wap (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tỷ lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 1:1)** |
|  | Browser - File Video (.mp4) | Bắt buộc | Button | Video\_media | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định **(mp4)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” |
|  | Trạng thái hiển thị trang chủ |  | checkbox | Trong is\_new  Mặc định = 0  Tích chọn is\_new = 1 |  |
|  | Trạng thái hot |  | checkbox | Trong is\_hot  Mặc định = 0  Tích chọn is\_hot = 1 |  |
|  | Trạng thái độc quyền |  | checkbox | Trong exclusive  Mặc định = 0  Tích chọn exclusive = 1 |  |
|  | Intro |  | checkbox | Trong is\_intro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_intro\_adv = 1 |  |
|  | Outro |  | checkbox | Trong is\_outtro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_outtro = 1 |  |
|  | Logo |  | checkbox | Trong is\_use\_logo  Mặc định = 0  Tích chọn is\_use\_logo = 1 |  |
|  | Is\_vtm |  | checkbox | Khi người dùng click chọn checkbox hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id =1 nếu không click chọn trường source\_id có giá trị mặc định =0 |  |
|  | Thời gian publish |  | datetime | Trường publish\_time (được hiển thị ở cột thời gian xuất bản trên màn hình) |  |
|  | runningtext |  | Textbox (varchar) | Trường running\_text |  |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) | Trường video\_desc |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng video\_item |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo ngày tạo (theo trường created\_at)**
* Khi người dùng lựa chọn khoảng thời gian cần tìm kiếm nhấp butom search hệ thống sẽ trả về kết quả tìm kiếm theo khoảng thời gian đó
* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDVideo: tìm kiếm theo trường id trong bang video items.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường video\_title trong bảng video\_items.

+Description: tìm kiếm theo trường video\_decs trong bảng video\_items.

+IdYoutube: tìm kiếm theo trường youtube\_id trong bang video\_itens.

+Người tạo: tìm kiếm theo trường cms\_username trong bảng video\_items.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Hiển thị toàn bộ: trong dữ liệu có trạng thái active = 10.

+ Hiển thị tìm kiếm đễ xuất: Video có active = 11

+Hiển thị listVideo của kênh : video có active = 12

+ Ẩn toàn bộ: video có active = 0;

* **Tìm kiếm theo chuyên mục**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng categorys
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường cate\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo kênh**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng channels
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường channel\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo đối tác**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng partner
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường partner\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.

1. **Các chức năng khác**

* **Đặt lịch**
* Khi người dùng lựa chọn thời gian và click chọn video muốn đặt lịch sau đó click vào button đặt lịch hệ thống sẽ update lại trường publish\_time trong bảng video\_items.
* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.
* **Tạo link GA**
* Khi người dùng chọn video muốn tạo link GA hệ thống vào button đặt link ga, link ga sẽ được tạo và hiển thị ở input bên cạnh có dịnh dạng

domain/slug-tid\_video.html?type=(khiểu GA = giá trị lực chọn ở selecbox bên cạnh buton GA 200/203/204/205).

* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Not push |  | checkbox |  |  |
|  | Ảnh |  |  | Trường image\_path |  |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường video\_title |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường cate\_id trong bang video\_items join vào bảng categorys để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Kênh |  |  | Từ trường channel\_id trong bang video\_items join vào bảng channel để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Đối tác |  |  | Từ trường partner\_id trong bang video\_items join vào bảng partner để lấy tên tương ứng với partner\_id |  |
|  | Ishot |  |  | Trường is\_hot | Khi người dùng click thay đổi trạng thái hot khi click vào icon hệ thông sẽ cập nhập trường is\_hot =0 với trường hợp là dấu “X”hoặc bằng 1 với trường hợp là dấu “V” |
|  | Is View |  |  | Trường is\_view(số lượt view) |  |
|  | Trạng thái hiển thị |  |  | Trường active  = 10 hiển thị toàn bộ  = 11 hiển thị tìm kiếm đề xuất  = 12 hiển thị listVideo của kênh |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Thời gian xuất bản |  |  | Trường publicsh\_time |  |
|  | **Publish\_time\_first** |  |  | **Lấy từ trường publish\_time\_first** | **Khi tạo mới một video trường publish\_time\_first có giá trị bằng trường publish\_time.** |
|  | userLogin |  |  | misdn |  |
|  | Giá |  | button |  |  |
| 10 | Sửa |  | Tên video link |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của video đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới video |
| 12 | Xem |  | Button |  | Người dùng click button xem hệ thống sẽ mở video cho người dùng xem video bao gồm các thông tin mv , tiêu đề và mô tả về video đó. |
| 36 | Giá |  | Link |  | Khi người dùng click vào button giá video sẽ hiển thị màn hình edit của danh sách giá video trong bảng itemvideo\_cp\_price |
|  | User\_duyêt |  |  | Trường cms\_username |  |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý danh sách phim của bộ (bảng video\_item có trường filmgroup\_id !=’’)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách video |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách video |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách phim của bộ” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem danh sách phim của bộ | Màn hình danh sách phim của bộ |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Ds video” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin video | Màn hình thêm video |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin video vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin nhập chưa đầy đủ, hệ thống sẽ hiển thị báo lỗi và bắt người dùng nhập lại | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Cách hiển thị |  | Selectbox | 2 –không Convert  0-Convert mp4  1-Convert Adaptive | Khi người dùng chọn không convert hệ thông sẽ lưu trường active =3 trong bảng video-items và cập nhập trường covert-type = 2 trong bảng sysConvert  Khi người dùng chọn convert mp4 hoặc convert Adaptive hệ thống sẽ cập nhập trường active =2 trong bảng video\_item và trường convert\_type bằng 0 khi luwajc chọn convert mp4 và bẳng 1 khi lựa chọn convert adaptive lua vào bang sysConvert. |
|  | Chuyên mục | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống (được hiển thị ở cột chuyên mục trên giao diện) | Data được lấy từ bảng category lưu id của kênh được chọn vào trường cate\_id |
|  | FilmGroup | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả phim bộ trong hệ thống | Data được lấy từ bảng film\_group lưu id của film\_group được chọn vào trường filmgroups\_id  + khi người dùng chua chọn kệnh mà đã chọn filmGroup Hệ thống sẽ thông báo yêu cầu chọn lại.  + khi người dùng chưa chọn film mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo filmGropup không được bỏ chống. |
|  | Chọn kênh | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả kênh trong hệ thống (được hiển thị ở cột kênh trên giao diện) | Data được lấy từ bảng Channels lưu id của kênh được chọn vào trường channel\_id.  + khi người dùng chưa chọn kênh mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo kênh không được bỏ chống. |
|  | Tiêu đề | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường video\_title  (được hiển thị ở cột tên trên giao diện) | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-255 ký tự). |
|  | Tên tập phim |  | Textbox(varchar) | Trường film\_chapter |  |
|  | Tập |  | number | Trường eps\_num (được hiển thị ở cột số tập trên giao diện) |  |
|  | Browser - File ảnh đại diện (.jpg) | Bắt buộc | Button | Video\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định**(jpg, jpeg png)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”.  + Khi người dùng nhập không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tye lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 16:9)** |
|  | Browser - File ảnh banner web (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng kích thước ảnh hệ thống sẽ thông báo ảnh sai kích thước yêu cầu nhập lại  **(kích thước w:1920, h:665)** |
|  | Browser - File ảnh banner wap (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tỷ lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 1:1)** |
|  | Browser - File Video (.mp4) | Bắt buộc | Button | Video\_media | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định **(mp4)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” |
|  | Trạng thái hiển thị trang chủ |  | checkbox | Trong is\_new  Mặc định = 0  Tích chọn is\_new = 1 |  |
|  | Trạng thái hot |  | checkbox | Trong is\_hot  Mặc định = 0  Tích chọn is\_hot = 1 |  |
|  | Trạng thái độc quyền |  | checkbox | Trong exclusive  Mặc định = 0  Tích chọn exclusive = 1 |  |
|  | Intro |  | checkbox | Trong is\_intro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_intro\_adv = 1 |  |
|  | Outro |  | checkbox | Trong is\_outtro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_outtro = 1 |  |
|  | Logo |  | checkbox | Trong is\_use\_logo  Mặc định = 0  Tích chọn is\_use\_logo = 1 |  |
|  | Is\_vtm |  | checkbox | Khi người dùng click chọn checkbox hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id =1 nếu không click chọn trường source\_id có giá trị mặc định =0 |  |
|  | Thời gian publish |  | datetime | Trường publish\_time (được hiển thị ở cột thời gian xuất bản trên màn hình) |  |
|  | runningtext |  | Textbox (varchar) | Trường running\_text |  |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) | Trường video\_desc |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng video\_item |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo ngày tạo (theo trường created\_at)**
* Khi người dùng lựa chọn khoảng thời gian cần tìm kiếm nhấp butom search hệ thống sẽ trả về kết quả tìm kiếm theo khoảng thời gian đó
* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDVideo: tìm kiếm theo trường id trong bang video items.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường video\_title trong bảng video\_items.

+Description: tìm kiếm theo trường video\_decs trong bảng video\_items.

+IdYoutube: tìm kiếm theo trường youtube\_id trong bang video\_itens.

+Người tạo: tìm kiếm theo trường cms\_username trong bảng video\_items.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Hiển thị toàn bộ: trong dữ liệu có trạng thái active = 10.

+ Hiển thị tìm kiếm đễ xuất: Video có active = 11.

+Hiển thị listVideo của kênh : video có active = 12

+ Ẩn toàn bộ: video có active = 0;

* **Tìm kiếm theo chuyên mục**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng categorys
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường cate\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo kênh**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng channels
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường channel\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo filmGroup**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng filmGroup
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường filmgroups\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo đối tác**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng partner
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường partner\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.

1. **Các chức năng khác**

* **Đặt lịch**
* Khi người dùng lựa chọn thời gian và click chọn video muốn đặt lịch sau đó click vào button đặt lịch hệ thống sẽ update lại trường publish\_time trong bảng video\_items.
* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.
* **Tạo link GA**
* Khi người dùng chọn video muốn tạo link GA hệ thống vào button đặt link ga, link ga sẽ được tạo và hiển thị ở input bên cạnh có dịnh dạng

domain/slug-tid\_video.html?type=(khiểu GA = giá trị lực chọn ở selecbox bên cạnh buton GA 200/203/204/205).

* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.
* **Set Top**
* Khi người dùng chọn video muốn thêm vào bộ phim hệ thống sẽ cập nhập trường last\_video\_id trong bảng filGroup = id của video được chọn.
* Khi video chua được tích chọn mà click button Set top hệ thóng sẽ thông báo bạn cần chọn đối tượng.
* **Xóa khỏi bộ.**
* Khi người dùng chọn video muốn xóa khỏi bộ phim hệ thống sẽ cập nhập trường active trong bảng filmGroup = id của video được chọn.
* Khi video chua được tích chọn mà click button Set top hệ thóng sẽ thông báo bạn cần chọn đối tượng.
* **Add video liên quan của bộ**
* Khi người dùng chọn video muốn add vào bộ phim liên quan được lực chọn ở selectbox bân cạnh button **add video liên quan của bộ** hệ thống sẽ thêm video đó vào trong bảng film\_group\_related bằng cách trường trong bảng

+ video\_id\_related = id của video được lựa chọn trong bảng video\_item

+ active = trường active của video được chọn trong bảng video\_item

+ video\_name = trường video\_title của video được chọn trong bảng video\_item

* Khi video chua được tích chọn mà click button Set top hệ thóng sẽ thông báo bạn cần chọn đối tượng.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Not push |  | checkbox |  |  |
|  | Ảnh |  |  | Trường image\_path |  |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường video\_title |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường cate\_id trong bang video\_items join vào bảng categorys để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Kênh |  |  | Từ trường channel\_id trong bang video\_items join vào bảng channel để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Đối tác |  |  | Từ trường partner\_id trong bang video\_items join vào bảng partner để lấy tên tương ứng với partner\_id |  |
|  | Ishot |  |  | Trường is\_hot | Khi người dùng click thay đổi trạng thái hot khi click vào icon hệ thông sẽ cập nhập trường is\_hot =0 với trường hợp là dấu “X”hoặc bằng 1 với trường hợp là dấu “V” |
|  | Is View |  |  | Trường is\_view(số lượt view) |  |
|  | Trạng thái hiển thị |  |  | Trường active  = 10 hiển thị toàn bộ  = 11 hiển thị tìm kiếm đề xuất  = 12 hiển thị listVideo của kênh |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Thời gian xuất bản |  |  | Trường publicsh\_time |  |
|  | **Publish\_time\_first** |  |  | **Lấy từ trường publish\_time\_first** | **Khi tạo mới một video trường publish\_time\_first có giá trị bằng trường publish\_time.** |
|  | userLogin |  |  | misdn |  |
|  | Giá |  | button |  |  |
| 10 | Sửa |  | Tên video link |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của video đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới video |
| 12 | Xem |  | Button |  | Người dùng click button xem hệ thống sẽ mở video cho người dùng xem video bao gồm các thông tin mv , tiêu đề và mô tả về video đó. |
| 36 | Giá |  | Link |  | Khi người dùng click vào button giá video sẽ hiển thị màn hình edit của danh sách giá video trong bảng itemvideo\_cp\_price |
|  | User\_duyêt |  |  | Trường cms\_username |  |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý danh sách video liên quan của bộ (bảng video\_item có trường filmgroup\_id !=’’)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách video |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách video |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách phim của bộ” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem danh sách phim của bộ | Màn hình danh sách phim của bộ |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Ds video” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin video | Màn hình thêm video |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin video vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin nhập chưa đầy đủ, hệ thống sẽ hiển thị báo lỗi và bắt người dùng nhập lại | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Cách hiển thị |  | Selectbox | 2 –không Convert  0-Convert mp4  1-Convert Adaptive | Khi người dùng chọn không convert hệ thông sẽ lưu trường active =3 trong bảng video-items và cập nhập trường covert-type = 2 trong bảng sysConvert  Khi người dùng chọn convert mp4 hoặc convert Adaptive hệ thống sẽ cập nhập trường active =2 trong bảng video\_item và trường convert\_type bằng 0 khi luwajc chọn convert mp4 và bẳng 1 khi lựa chọn convert adaptive lua vào bang sysConvert. |
|  | Chuyên mục | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống (được hiển thị ở cột chuyên mục trên giao diện) | Data được lấy từ bảng category lưu id của kênh được chọn vào trường cate\_id |
|  | FilmGroup | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả phim bộ trong hệ thống | Data được lấy từ bảng film\_group lưu id của film\_group được chọn vào trường filmgroups\_id  + khi người dùng chua chọn kệnh mà đã chọn filmGroup Hệ thống sẽ thông báo yêu cầu chọn lại.  + khi người dùng chưa chọn film mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo filmGropup không được bỏ chống. |
|  | Chọn kênh | Bắt buộc | Drop-down list | Tất cả kênh trong hệ thống (được hiển thị ở cột kênh trên giao diện) | Data được lấy từ bảng Channels lưu id của kênh được chọn vào trường channel\_id.  + khi người dùng chưa chọn kênh mà đã nhẫn button save hệ thống sẽ thông báo kênh không được bỏ chống. |
|  | Tiêu đề | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường video\_title  (được hiển thị ở cột tên trên giao diện) | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-255 ký tự). |
|  | Tên tập phim |  | Textbox(varchar) | Trường film\_chapter |  |
|  | Tập |  | number | Trường eps\_num (được hiển thị ở cột số tập trên giao diện) |  |
|  | Browser - File ảnh đại diện (.jpg) | Bắt buộc | Button | Video\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định**(jpg, jpeg png)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”.  + Khi người dùng nhập không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tye lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 16:9)** |
|  | Browser - File ảnh banner web (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng kích thước ảnh hệ thống sẽ thông báo ảnh sai kích thước yêu cầu nhập lại  **(kích thước w:1920, h:665)** |
|  | Browser - File ảnh banner wap (.jpg) | Bắt buộc | Button | Image\_banner\_web | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(**jpg, jpeg png**) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng”  + Khi người dùng chọn ảnh không đúng tỷ lệ ảnh hệ thống sẽ thông báo sai tỷ lệ yêu cầu nhập lại  **(tỷ lệ : 1:1)** |
|  | Browser - File Video (.mp4) | Bắt buộc | Button | Video\_media | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định **(mp4)** khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” |
|  | Trạng thái hiển thị trang chủ |  | checkbox | Trong is\_new  Mặc định = 0  Tích chọn is\_new = 1 |  |
|  | Trạng thái hot |  | checkbox | Trong is\_hot  Mặc định = 0  Tích chọn is\_hot = 1 |  |
|  | Trạng thái độc quyền |  | checkbox | Trong exclusive  Mặc định = 0  Tích chọn exclusive = 1 |  |
|  | Intro |  | checkbox | Trong is\_intro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_intro\_adv = 1 |  |
|  | Outro |  | checkbox | Trong is\_outtro\_adv  Mặc định = 0  Tích chọn is\_outtro = 1 |  |
|  | Logo |  | checkbox | Trong is\_use\_logo  Mặc định = 0  Tích chọn is\_use\_logo = 1 |  |
|  | Is\_vtm |  | checkbox | Khi người dùng click chọn checkbox hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id =1 nếu không click chọn trường source\_id có giá trị mặc định =0 |  |
|  | Thời gian publish |  | datetime | Trường publish\_time (được hiển thị ở cột thời gian xuất bản trên màn hình) |  |
|  | runningtext |  | Textbox (varchar) | Trường running\_text |  |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) | Trường video\_desc |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng video\_item |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo ngày tạo (theo trường created\_at)**
* Khi người dùng lựa chọn khoảng thời gian cần tìm kiếm nhấp butom search hệ thống sẽ trả về kết quả tìm kiếm theo khoảng thời gian đó
* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDVideo: tìm kiếm theo trường id trong bang video items.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường video\_title trong bảng video\_items.

+Description: tìm kiếm theo trường video\_decs trong bảng video\_items.

+IdYoutube: tìm kiếm theo trường youtube\_id trong bang video\_itens.

+Người tạo: tìm kiếm theo trường cms\_username trong bảng video\_items.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Hiển thị toàn bộ: trong dữ liệu có trạng thái active = 10.

+ Hiển thị tìm kiếm đễ xuất: Video có active = 11

+Hiển thị listVideo của kênh : video có active = 12

+ Ẩn toàn bộ: video có active = 0;

* **Tìm kiếm theo chuyên mục**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng categorys
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường cate\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo kênh**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng channels
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường channel\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo đối tác**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng partner
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường partner\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.

1. **Các chức năng khác**

* **Đặt lịch**
* Khi người dùng lựa chọn thời gian và click chọn video muốn đặt lịch sau đó click vào button đặt lịch hệ thống sẽ update lại trường publish\_time trong bảng video\_items.
* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.
* **Tạo link GA**
* Khi người dùng chọn video muốn tạo link GA hệ thống vào button đặt link ga, link ga sẽ được tạo và hiển thị ở input bên cạnh có dịnh dạng

domain/slug-tid\_video.html?type=(khiểu GA = giá trị lực chọn ở selecbox bên cạnh buton GA 200/203/204/205).

* Khi người dùng không click chọn video mà đã click chọn button đạt lịch hệ thống sẽ báo lỗi “người dùng cần lực chọn đối tượng”.
* **Set Top**
* Khi người dùng chọn video muốn thêm vào bộ phim hệ thống sẽ cập nhập trường last\_video\_id trong bảng filGroup = id của video được chọn.
* Khi video chua được tích chọn mà click button Set top hệ thóng sẽ thông báo bạn cần chọn đối tượng.
* **Xóa khỏi bộ.**
* Khi người dùng chọn video muốn xóa khỏi bộ phim hệ thống sẽ cập nhập trường active trong bảng filmGroup = id của video được chọn.
* Khi video chua được tích chọn mà click button Set top hệ thóng sẽ thông báo bạn cần chọn đối tượng.
* **Add video liên quan của bộ**
* Khi người dùng chọn video muốn add vào bộ phim liên quan được lực chọn ở selectbox bân cạnh button **add video liên quan của bộ** hệ thống sẽ thêm video đó vào trong bảng film\_group\_related bằng cách trường trong bảng

+ video\_id\_related = id của video được lựa chọn trong bảng video\_item

+ active = trường active của video được chọn trong bảng video\_item

+ video\_name = trường video\_title của video được chọn trong bảng video\_item

* Khi video chua được tích chọn mà click button Set top hệ thóng sẽ thông báo bạn cần chọn đối tượng.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Not push |  | checkbox |  |  |
|  | Ảnh |  |  | Trường image\_path |  |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường video\_title |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường cate\_id trong bang video\_items join vào bảng categorys để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Kênh |  |  | Từ trường channel\_id trong bang video\_items join vào bảng channel để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Đối tác |  |  | Từ trường partner\_id trong bang video\_items join vào bảng partner để lấy tên tương ứng với partner\_id |  |
|  | Ishot |  |  | Trường is\_hot | Khi người dùng click thay đổi trạng thái hot khi click vào icon hệ thông sẽ cập nhập trường is\_hot =0 với trường hợp là dấu “X”hoặc bằng 1 với trường hợp là dấu “V” |
|  | Is View |  |  | Trường is\_view(số lượt view) |  |
|  | Trạng thái hiển thị |  |  | Trường active  = 10 hiển thị toàn bộ  = 11 hiển thị tìm kiếm đề xuất  = 12 hiển thị listVideo của kênh |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Thời gian xuất bản |  |  | Trường publicsh\_time |  |
|  | **Publish\_time\_first** |  |  | **Lấy từ trường publish\_time\_first** | **Khi tạo mới một video trường publish\_time\_first có giá trị bằng trường publish\_time.** |
|  | userLogin |  |  | misdn |  |
|  | Giá |  | button |  |  |
| 10 | Sửa |  | Tên video link |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của video đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới video |
| 12 | Xem |  | Button |  | Người dùng click button xem hệ thống sẽ mở video cho người dùng xem video bao gồm các thông tin mv , tiêu đề và mô tả về video đó. |
| 36 | Giá |  | Link |  | Khi người dùng click vào button giá video sẽ hiển thị màn hình edit của danh sách giá video trong bảng itemvideo\_cp\_price |
|  | User\_duyêt |  |  | Trường cms\_username |  |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý danh sách video live (bảng video\_livetreams)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách video |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách video live |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách video live” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem danh sách video live | Màn hình danh sách video live |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Ds video” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin video | Màn hình thêm video |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin video vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong video đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin nhập chưa đầy đủ, hệ thống sẽ hiển thị báo lỗi và bắt người dùng nhập lại | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Video\_id | Bắt buộc | number | Trường vide\_id | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống  Khi ngườ dùng nhập quá độ dài quy dịnh hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại  Độ dài 1-19 |
|  | Thời gian bắt đầu |  | datetime | Trường time\_start | Khi người dùng nhập thời gin bắt đầu lớn hơn thời gian kết thức hệ thống thông báo trường time\_start khong lớn hơn trường time\_end |
|  | Thời gian kết thúc |  | datetime | Trường time\_end | Khi người dùng nhập thời gin kết thúc nhỏ hơn thời gian bắt đầu hệ thống thông báo trường time\_end khong nhỏ hơn trường time\_start |
|  |  |  |  |  |  |
|  | Cách hiển thị |  | selecbox | Trường active  = 1 hiển thị toàn bộ  =2 hiểm thị tìm tìm kiếm và để xuất  =3 ẩn toàn bộ. |  |
|  | mediaLink | Bắt buộc | Textbox (varchar) |  | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống  Khi ngườ dùng nhập quá độ dài quy dịnh hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại  Độ dài 3-255 |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) | description |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng video\_livetreams |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Duyệt**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button duyệt hệ thống sẽ sẽ update lại trường is\_live trong bảng video\_item = 1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Gỡ duyệt**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button duyệt hệ thống sẽ sẽ update lại trường is\_live trong bảng video\_item = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo video\_id (theo trường created\_at)**
* Khi người dùng nhập id\_video muốn tìm kiếm hệ thống sẽ trả về kết quả tương ứng cho người dùng đó.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Video\_id |  |  | Lấy từ từ trường video\_id |  |
|  | Tên video |  |  | Từ trường video\_id trong bảng video\_livetreams thực hiện join vài bang video\_items để lấy tên của video tương úng với video\_id đó |  |
|  | Is\_live |  |  | Từ trường video\_id trong bảng video\_livetreams thực hiện join vài bang video\_items để lấy trạng thái is\_live của video tương ứng với video\_id đó |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | Thời gian bắt đầu |  |  | Trường time\_start |  |
|  | Thời gian kết thúc |  |  | Trường time\_end |  |
|  | Media\_link |  | button | Trường media\_link |  |
|  | Trạng thái |  |  | Trường active |  |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của video đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới video |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý danh sách giá video(bảng video\_cp\_price)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách giá video |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách giá video |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách giá video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách giá video” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem danh sách giá video | Màn hình danh sách giá video |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo video\_id (theo trường created\_at)**
* Khi người dùng nhập id\_video muốn tìm kiếm hệ thống sẽ trả về kết quả tương ứng cho người dùng đó.
* **Tìm kiếm theo kênh**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng channels
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường channel\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo đối tác**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng partner
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường partner\_id trong bảng video\_items và hiển thị hết quả tương ứng.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Tên video |  |  | Từ trường video\_id trong bảng video\_cp\_price thực hiện join vài bang video\_items để lấy tên của video tương úng với video\_id đó |  |
|  | type |  |  | Trường type |  |
|  | kênh |  |  | Từ trường channel\_id trong bảng video\_cp\_price thực hiện join vàio bảng channel để lấy trạng thái tên của kênh tương ứng với channel\_id đó |  |
|  | Đối tác |  |  | Từ trường partner\_id trong bảng video\_cp\_price thực hiện join vàio bảng partner để lấy trạng thái tên của kênh tương ứng với partner\_id đó |  |
|  | Hình thức |  |  | Trường type |  |
|  | Giá lên trước |  |  | Trường price\_promotion | Kiểu float |
|  | Giá thực tế |  |  | Trường price\_real | Kiểu float |
|  | Thời gian lê trước |  |  | Trường from\_date |  |
| 10 | Sửa |  | Tên video link |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của video đã chọn |

* ***Màn hình sửa video price***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên video |  | vachar |  | Không cho phép người dùng sửa tên |
|  | Chọn hình thức |  | selectbox | Có 3 trạng thái  Tự sản xuất upload mocha và youtube  Tự sản xuất độc quyền  Biên tập và người dùng | Khi người dùng chọn trạng thái Tự sản xuất upload mocha và youtube  Hiển thị giá trị của đơn giá thực tế bằng 12 không hiện đơn giá lên trước và khi nhấn nút save hệ thống sẽ cập chập trường price\_real còn trường price\_promontion được reset  Khi người dùng chọn trạng thái Biên tập và người dùng  Hiển thị giá trị đơn giá thực tế bằng 8 không hiện đơn giá lên trước và khi nhấn nút save hệ thống sẽ cập chập trường price\_real còn trường price\_promontion được reset  Khi người dùng chọn trạng thái Tự sản xuất upload mocha và youtube  Hiển thị giá trị đơn giá lên trước bằng 40 và đơn giá thực tế bằng 12 |
|  | Thời gian lên trước |  | datetime | Trường from\_date | Khi người dùng nhập thời gian from\_date lớn hơn thời gian to\_date hệ thống thông báo trường form\_date không lớn hơn trường time\_start |
|  | Đến |  |  | Trường to\_date | Khi người dùng nhập thời gian to\_date nhỏ hơn thời gian bắt đầu hệ thống thông báo trường to\_date khong nhỏ hơn trường from\_date |
|  | Đơn giá lên trước |  | Texbox (disabled) | . |  |
|  | Đơn giá thực tế |  | Texbox (disabled) |  |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng itemvideo\_cp\_price |

*Message báo lỗi*

### Quản lý danh sách tên bộ phim (bảng film\_group)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách tên bộ phim |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách tên bộ phim |
| **Tác nhân** | Bộ phận FILM\_GROUP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách giá video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách tên bộ phim” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem danh sách tên bộ phim | Màn hình danh sách tên bộ phim |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Film\_group***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên bộ phim | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường film\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu cho trường này hệ thống sẽ thông báo không được để trống hoặc khi người dùng nhập quá đồ dài hệ thống cũng sẽ hiển thị thông báo “trường film\_name không được lơn hơn 255 ký tự” độ dài (2-255 ký tự) |
|  | Trạng thái hoạt động |  | checkbox | Trường active | Giá trị mặc định là 0 khi người dùng click chọn checkbox hệ thống sẽ lưu trường active = 1; |
|  | Loại phim bộ |  | Selectbox | Trường film\_type | Khi người dùng chọn film trường film\_type =1  Khi chọn video đế chế trường film\_type = 2 |
|  | Số tập | Bắt buộc | number | Trường total\_eps | Khi người dùng không nhập dữ liệu cho trường này hệ thống sẽ thông báo không được để trống hoặc khi người dùng nhập quá đồ dài hệ thống cũng sẽ hiển thị thông báo “trường film\_name không được lơn hơn 10 ký tự” độ dài (1-10 ký tự) |
|  | Đối tác CP |  | Drop-down list | Tất cả đối tác trong hệ thống | Data được lấy từ bảng partner khi chọn một đối tác sẽ lưa id của đối tác đó vàn trường partner\_id |
|  | Chuyên mục |  | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống | Data được lấy từ bảng category chọn một đối tác sẽ lưa id của chuyên mục đó vàn trường cate\_id |
|  | Chọn kênh |  | Drop-down list | Tất cả kênh trong hệ thống | Data được lấy từ bảng Channels chọn một kênh sẽ lưa id của đối tác đó vàn trường channel\_id |
|  | Thời gian suất bản | Bắt buộc | datetime(varchar) | Trường publish\_time |  |
|  | Browser - File image (.jpg) | Bắt buộc | Button | Trường film\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png,bmp) khi người dùng lựa chọn ảnh hoặc lựa chọn ảnh sai đinh dạng mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” |
|  | Film Desc |  | Texarea | Trường film\_desc |  |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) | Trường film\_desc |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang film\_group |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng film\_group |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo tên (theo trường film\_name)**
* Khi người dùng nhập tên film muốn tìm kiếm hệ thống sẽ trả về kết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo trạng thái**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Đã duyệt: trong dữ liệu có trạng thái active = 1.

+ Chờ duyệt: active = 0

+Xóa: video có active = -1

+ Tất cả : hiển thị tất cả các trạng thái active = -1,0,1

* **Tìm kiếm theo chuyên mục**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng categorys
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường cate\_id trong bảng film\_group và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo kênh**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng channels
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường channel\_id trong bảng film\_group và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo đối tác**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng partner
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường partner\_id trong bảng film\_group và hiển thị hết quả tương ứng.

1. **Các chức năng khác**

* **Add video liên quan của bộ**
* Khi người dùng chọn video muốn add vào bộ phim liên quan được lực chọn ở selectbox bân cạnh button **add video liên quan của bộ** hệ thống sẽ thêm video đó vào trong bảng film\_group\_related bằng cách trường trong bảng

+ film\_id\_related = id của film được lựa chọn trong bảng film\_group

+ active = trường active của video được chọn trong bảng film\_group

+ film\_name = trường film\_group của video được chọn trong bảng film\_group

* Khi video chua được tích chọn mà click button Set top hệ thóng sẽ thông báo bạn cần chọn đối tượng.

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Tên bộ |  |  | Lấy từ từ trường film\_name |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường cate\_id trong bảng film\_group join vào bảng categorys để lấy tên tương ứng của bảng cate\_id đó |  |
|  | Đối tác |  |  | Từ trường partner\_id trong bảng film\_group join vào bảng partner để lấy tên tương ứng của bảng partner\_id đó |  |
|  | Số tập |  |  | Trường total\_eps |  |
|  | Tập hiện lại |  |  | Trường state\_complete |  |
|  | Trạng thái |  |  | Trường active |  |
|  | Thời gian xuất bản |  |  | Trường publish\_time |  |
|  | Sửa |  | Tên link |  | Khi người dùng clock tên bộ phim hệ thống sẽ hiển thị màn hình sửa giống như màn hình thêm mới các trường dữ liệu rang buộc giống với màn hình thêm mới. |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý danh sách phim bộ liên quan (bảng film\_group\_related)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách phim bộ liên quan |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách phim bộ liên quan |
| **Tác nhân** | Bộ phận ADMIN\_FILM\_RELATED, FILM\_GROUP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách giá video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách phim bộ liên quan” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem danh sách phim bộ liên quan | Màn hình danh sách phim bộ liên quan |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo trạng thái**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Đã duyệt: trong dữ liệu có trạng thái active = 1.

+Xóa: video có active = 0

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Film id |  |  | Lấy từ từ trường film\_id | Có value bằng id của film được chọn ở seclectbox. |
|  | Film id related |  |  | Trường film\_id\_related |  |
|  | Tên phim liên quan |  |  | Trường film\_name |  |
|  | Video id related |  |  | Trường video\_id\_related |  |
|  | Tên video liên quan |  |  | Trường video\_name |  |
|  | Create\_at |  |  | Trường created\_at |  |
|  | active |  |  | Trường active |  |

### Quản lý danh sách youtube video (bảng crawl\_youtube)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách youtube video |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng duyệt youtube video đã được biên tập |
| **Tác nhân** | Bộ phận biên tập |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Video được duyệt thành công |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách video youtube” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để thao tác | Màn hình danh sách video youtube |
| 1. Tại màn hình “Danh sách video youtube”, người dùng chọn các video cần duyệt | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã chọn video nào chưa 2. Nếu video đã được chọn, hệ thống sẽ duyệt video | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn “Danh sách video youtube”người dùng chọn các video cần duyệt | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã chọn video nào chưa 2. Nếu người dùng chưa chọn tin bài nào để duyệt, hệ thống sẽ báo lỗi và bắt người dùng phải chọn ít nhất một tin bài | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

1. ***Add video yotube***

* *Thông tin chung chức năng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Add youtube |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng crawl video từ youtube về kho hệ thống |
| **Tác nhân** | Bộ phận biên tập |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Crawl video được lưu thành công |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

* **Biểu đồ luồng xử lý chức năng**



***Liệt kê các trường trên màn hình add youtube***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 1 | Chuyên mục |  | Drop-down list | Tất cả các chuyên mục được lấy từ bảng category |  |
| 2 | Tiêu đề | Bắt buộc | Textbox | Trường title | Khi người dùng không nhập thông tin hệ thống sẽ thông báo trường này không được bỏ trống hoặc nhaatpk quá độ dài hệ thống cũng sẽ thông báo trường không được dài hơn 255 ký tự (length: 1-255 ký tự) |
| 3 | Copy link | Bắt buộc | Text box | Trường link | Khi người dùng không nhập thông tin hệ thống sẽ thông báo trường này không được bỏ trống hoặc nhaatpk quá độ dài hệ thống cũng sẽ thông báo trường không được dài hơn 255 ký tự (length: 3-500 ký tự) |
| 4 | Mô tả |  | Textarea | Trường description |  |
| 5 | Từ khóa |  | Textbox | Trường tags |  |
| 6 | Lưu xuống |  | Button |  | Khi người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu video vào bảng “crawler\_youtube” |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video youtube đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video youtube đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Duyệt**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video youtube đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo chuyên mục**
* Danh sách tên chuyên mục được lấy trong bảng categorys
* Khi người dùng lựa chọn chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường cate\_id trong bảng crawler\_youtube và hiển thị hết quả tương ứng.
* **Tìm kiếm theo trạng thái**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ chờ lấy: trường active = 1.

+ đã lấy: trường active = 0

+ bị xóa: trường active = -1.

+ Hơn 10 phút: trường active = 5.

+ đã tồn tại: trường active = 6.

+ lỗi lấy về: trường active = 7.

+tất cả: video có active = 3

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  |  |
|  | Tiêu đề |  |  | Lấy từ từ trường title |  |
|  | Link youtube |  |  | Trường link |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường cate\_id trong bảng crawl\_youtube join vào bảng categorys để lấy id tương ứng |  |
|  | Từ khóa |  |  | Trường tags |  |
|  | User login |  |  | Trường user\_login |  |
|  | Trạng thái |  |  | Trường active |  |
|  | Sửa |  | Tên link |  | Khi người dùng click tên youtube hệ thống sẽ hiển thị màn hình sửa giống như màn hình thêm mới các trường dữ liệu rang buộc giống với màn hình thêm mới. |
|  |  |  |  |  |  |

### Quản lý đối tác (bảng partner)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý đối tác |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách video live |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý đối tác” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem quản lý đối tác | Màn hình quản lý đối tác |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “quản lý đối tác” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin đối tác | Màn hình thêm đối tác |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin partner, người dùng nhập những thông tin cần thiết của đối tác | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong đối tác đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin đối tác vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin đối tác, người dùng nhập những thông tin cần thiết của đối tác | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong đối tác đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin nhập chưa đầy đủ, hệ thống sẽ hiển thị báo lỗi và bắt người dùng nhập lại | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Partner name | Bắt buộc | Varchar |  | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống  Khi ngườ dùng nhập quá độ dài quy dịnh hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại  Độ dài 2-155 ký tự |
|  | Phone number | Bắt buộc | int | Trường phone\_number | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống  Khi ngườ dùng nhập quá độ dài quy dịnh hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại  Độ dài 10-11 ký tự |
|  | Trạng thái |  | selecbox | Trường active  = 0 đã xóa  =1 Không hoạt động  =2 hoạt động. |  |
|  | Channel link |  | Textbox (varchar) | Trường channel\_link |  |
|  | Address |  | Texbox | Trường address |  |
|  | email |  | email | Trường email | Khi người dùng nhập sai định dạng email hệ thống yêu cầu nhập lại |
|  | Mô tả |  | Textarea(vachar) |  |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang partner |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng partner |

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Partner name |  |  | Trường partner\_name |  |
|  | Phone number |  |  | Lấy từ từ trường phone\_number |  |
|  | Address |  |  | Trường address |  |
|  | active |  |  | Từ trường active |  |
|  | xóa |  |  |  | Khinguoiwf dùng click vào button xóa hệ thống sẽ xóa bản tin đó ra khỏi cơ sở dũ liệu |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên partner này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của đối tác đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới partner |

*Message báo lỗi*

### Quản lý duyệt lại video (bảng video\_items\_modifi)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý duyệt lịa video |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý duyệt lại video |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách video |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý duyệt lại video” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem Quản lý duyệt lại video | Màn hình quản lý đối tác |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý duyệt lại video” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin video muốn duyệt lại | Màn hình thêm video muốn duyệt lại |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video muốn duyệt lại, người dùng nhập những thông tin cần thiết của video | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong bảng video\_items\_modifile đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin video vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***
* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Video id |  | int | Trường video\_id |  |
|  | Video title |  | Varchar | Trường video\_title |  |
|  | Mô tả |  | Texarea | Trường video\_desc |  |
|  | Video\_image |  |  | Trường video\_image |  |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo video và quay về trang duyệt lại video |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng video\_item\_modifi |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của video đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Duyệt video***

* Khi người dùng click chọn chexbox của video hệ thống sẽ cập nhập các trường

video\_title của bảng video\_item = trường video\_title cuat bảng video\_item\_modifi

video\_desc của bảng video\_itme = trường video\_desc cuat bảng video\_item\_modifi

video\_image của bảng video\_itme = trường video\_image cuat bảng video\_item\_modifi

tương ứng với id video đã chọn sau đó cập nhập trường active trong bản video\_item\_modifi có giá trị bằng -2

* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

*Message báo lỗi*

N/A

**Ghi chú: Những video trowng bảng video\_item\_modifi có trường active bằng -2 sẽ không được hiển thị trên giao diện.**

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Video id |  |  | Trường video\_id |  |
|  | Video title |  |  | Lấy từ từ trường video\_title |  |
|  | Video description |  |  | Trường video\_desc |  |
|  | Video image |  |  | Từ trường video\_image |  |
|  | Trạng thái |  |  | Trường acitve | Nhưng video có trường active = -2 sẽ không được hiển thị ra bên ngoài gia diện. |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của đối tác đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới duyệt lại video |

*Message báo lỗi*

### Quản lý Running text (bảng running\_text)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý running text |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý running text |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được running text |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “running text” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem running text | Màn hình running text |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “running text” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin running text | Màn hình thêm running text |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin video muốn duyệt lại, người dùng nhập những thông tin cần thiết của running text | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong bảng running\_text đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin running text vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***
* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm Video***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên |  | Varchar | Trường text |  |
|  | Start time |  | datetime | Trường start\_time |  |
|  | End time |  | datetime | Trường end\_time |  |
|  | Active |  |  | Trường active | Trạng thái mặc định active =0 khi click chọn checkbox active = 1 |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo running text và quay về trang running text |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng running\_text |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của running\_text đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của running\_text đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo tên (theo trường text)**
* Khi người dùng nhập tên film muốn tìm kiếm hệ thống sẽ trả về kết quả tương ứng.

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Text |  |  | Trường |  |
|  | Start time |  |  | Lấy từ từ trường video\_title |  |
|  | End time |  |  | Trường video\_desc |  |
|  | Trạng thái |  |  | Từ trường video\_image |  |
|  | Created at |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Updated at |  |  | Trường updated\_at |  |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên video này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của đối tác đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới running\_text |

*Message báo lỗi*

## Quản lý quảng cáo

### Quy trình nghiệp vụ

#### Thông tin chung

* Quản lý thông tin quảng cáo

#### Luồng quy trình



#### Mô tả các bước trong quy trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Tên bước | Mô tả | Đối tượng sử dụng |
| **Luồng dữ liệu chính** | | | |
| 1 | Tạo mới quảng cáo | Biên tập có thể tạo mới quảng cáo | Ban biên tập |
| 2.2 | Duyệt | Sau khi quảng cáo được tạo, Ban biên tập sẽ vào hệ thống để duyệt | Ban biên tập |
| Luồng dữ liệu rẽ nhánh | | | |
| 2.1 | Từ chối duyệt | Sau khi quảng cáo được tạo, Ban biên tập sẽ xem xét và có thể từ chối duyệt quảng cáo | Ban biên tập |

### Yêu cầu chi tiết chức năng

#### Mô hình phân rã chức năng



### Quản lý danh sách inlinebox (bảng camp\_inline\_box)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách inlinebox |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng Quản lý danh sách inlinebox |
| **Tác nhân** | Bộ phận CP |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách inlinebox |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý danh sách inlinebox” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem Quản lý danh sách inlinebox | Màn hình Quản lý danh sách inlinebox |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm inlinebox***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 0 | Chuyên mục |  | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống (được hiển thị ở cột chuyên mục trên giao diện) | Data được lấy từ bảng category lưu id của kênh được chọn vào trường cate\_id |
| 1 | Tên | Bắt buộc | Textbox | Trường title | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-500 ký tự). |
| 2 | Dịch vụ | Bắt buộc | Textbox | Trường service | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-100 ký tự). |
| 3 | Browser – File ảnh reg (.jpg) | Bắt buộc | Button |  | Người dùng ấn button này hệ thống sẽ mở cửa sổ cho phép người dùng chọn file upload |
| 4 | Command code | Bắt buộc | Textbox | Trường cmd\_code | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 5. | desc |  | Textarea | Trường desc |  |
| 6 | Command code HN | Bắt buộc | Textbox | Trường cmd\_code\_hn | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 7 | Confirm | Bắt buộc | Textbox | Trường sms\_confirm | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 8 | Info | Bắt buộc | Textbox | Trường info | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 9 | InfoHn | Bắt buộc | Textbox | Trường info\_hn | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 10 | Phí dịch vụ | Bắt buộc | Textbox | Trường price\_text | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 11 | Phí dịch vụ 2 | Bắt buộc | Textbox | Trường price\_texe2 | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 12 | desc SMS |  | Textarea | Trường desc\_sms |  |
| 13 | Lưu |  | Button |  | Người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu các thông tin inlinebox *camp\_inline\_box* |
|  | cancel |  |  |  | Khi người dùng nhấn huy bỏ hệ thông sẽ quay về trang ban đầu và dữ liệu không được lưu vào bảng *camp\_inline\_box* |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của inlinebox đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của inlinebox đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1 và bản ghi đó không hiện lên màn hình hiển thị nữa nữa
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Duyệt***

* Khi người dùng click chọn chexbox của inlinebox đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Tìm kiếm***

* Tìm kiếm theo tên : khi người dùng nhập tìm khóa tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường title và sẽ trả về kết quả tương ứng với từ khóa đó
* Tìm kiếm theo chuyên mục: hệ thống lấy tên chuyên mục từ bảng categoris khi người dùng chọn một chuyên mục muốn tìm kiếm, hệ thống sẽ so sánh id\_cả chuyên mục được chọn trong trường id của bảng category với trường category\_id của bảng *camp\_inline\_box rồi hiển thị kết quả tương ứng*

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ID |  |  | Trường id |  |
|  | Ảnh |  |  | Lấy từ từ trường image |  |
|  | tên |  |  | Trường title |  |
|  | Chuyên mục |  |  | Từ trường category\_id hệ thống sẽ join vào bảng categoris để lấy trên của chuyên mục |  |
|  | Command code |  |  | Trường cmd\_code |  |
|  | Service |  |  | Trường service |  |
|  | Price text |  |  | Trường price\_text |  |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên inlinebox này hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của inlinebox đã chọn cho người dùng cập nhật |

***Màn hình sửa InlineBox***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 0 | Chuyên mục |  | Drop-down list | Tất cả chuyên mục trong hệ thống (được hiển thị ở cột chuyên mục trên giao diện) | Data được lấy từ bảng category lưu id của kênh được chọn vào trường cate\_id |
| 1 | Tên | Bắt buộc | Textbox | Trường title | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-500 ký tự). |
| 2 | Dịch vụ | Bắt buộc | Textbox | Trường service | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-100 ký tự). |
| 3 | Browser – File ảnh reg (.jpg) |  | Button |  | Người dùng ấn button này hệ thống sẽ mở cửa sổ cho phép người dùng chọn file upload |
| 4 | Command code | Bắt buộc | Textbox | Trường cmd\_code | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 5. | desc |  | Textarea | Trường desc |  |
| 6 | Command code HN | Bắt buộc | Textbox | Trường cmd\_code\_hn | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 7 | Confirm | Bắt buộc | Textbox | Trường sms\_confirm | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 8 | Info | Bắt buộc | Textbox | Trường info | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 9 | InfoHn | Bắt buộc | Textbox | Trường info\_hn | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 10 | Phí dịch vụ | Bắt buộc | Textbox | Trường price\_text | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 11 | Phí dịch vụ 2 | Bắt buộc | Textbox | Trường price\_texe2 | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 12 | desc SMS |  | Textarea | Trường desc\_sms |  |
| 13 | Lưu |  | Button |  | Người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu các thông tin inlinebox *camp\_inline\_box* |
|  | cancel |  |  |  | Khi người dùng nhấn huy bỏ hệ thông sẽ quay về trang ban đầu và dữ liệu không được lưu vào bảng *camp\_inline\_box* |

*Message báo lỗi*

### Quản lý danh sách lineHot (bảng camp\_linehot)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách lineHot |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách, duyệt lineHot |
| **Tác nhân** | Biên tập |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Duyệt banner thành công |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “lineHot” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng thao tác | Màn hình lineHot |
| 1. Tại màn hình lineHot, người dùng chọn những banner cần hiển thị | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã có lineHot nào được chọn chưa 2. Nếu đã có lineHot được chọn, hệ thống sẽ hiển thị các lineHot | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình lineHot, người dùng chọn những banner cần hiển thị | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã có banner nào được chọn chưa 2. Nếu chưa có banner được chọn, hệ thống sẽ báo lỗi và yêu cầu người dùng chọn ít nhất một banner | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm inlinebox***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 0 | Loại user |  | Drop-down list | Người dùng click trọng 1 trong 3 trạng thái  + thuê bao viettel cập nhập trường trường type\_user = 0.  + thuê bao vip cập nhập trường trường type\_user = 1.  + Thuê bao còn lại cập nhập trường trường type\_user = 2. |  |
| 1 | Tên | Bắt buộc | Textbox | Trường campaign | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 2 | Link | Bắt buộc | Textbox | Trường link | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-500 ký tự). |
| 3 | Browser –ảnh đại diện (.jpg) | Bắt buộc | Button | Trường image\_icon | Người dùng ấn button này hệ thống sẽ mở cửa sổ cho phép người dùng chọn file upload khi nguoiwf dùng chọn ảnh sai định dangj heej thoongs sẽ thông báo và yêu cầu chọn lại ảnh  Khi người dùng không chọn ảnh nhấn button save hệ thống thông báo trường ảnh không để trống |
| 4 | Auto |  | checkbox | Trường auto | Khi không tích chọn chexbox hệ thống sẽ để giá trị mặc định của trường is\_auto = 0 khi tích chọn checkbox hệ thống sẽ cập nhập giá trị của trường is\_auto = 1 (kết quả hiển thị trên cột auto của màn hình) |
| 13 | Lưu |  | Button |  | Người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu các thông tin inlinebox *camp\_linehot* |
|  | cancel |  |  |  | Khi người dùng nhấn huy bỏ hệ thông sẽ quay về trang ban đầu và dữ liệu không được lưu vào bảng *camp\_linehot* |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của *linehot* đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của *linehot* đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1 và bản ghi sẽ không hiển thị trên màn hình cms
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Duyệt***

* Khi người dùng click chọn chexbox của *linehot* đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Tìm kiếm***

* Tìm kiếm theo tên : khi người dùng nhập tìm khóa tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường campaign và sẽ trả về kết quả tương ứng với từ khóa đó
* Tìm kiếm theo trạng thái: có 4 trạng thái

+ Đã duyệt: hiển thị kết quả có trường active = 1

+ chờ duyệt : hiển thị kết quả có trường active = 0

+ tất cả : hiển thị tất cả các bản ghi có trường active = 0 / 1.

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ID |  |  | Trường id |  |
|  | Ảnh |  |  | Lấy từ từ trường image\_icon |  |
|  | tên |  |  | Trường campaign |  |
|  | Auto |  |  | Từ trường auto |  |
|  | Link |  |  | Trường link |  |
|  | Type user |  |  | Trường type\_user |  |
|  | Date created |  |  | Trường created\_at |  |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng click vào button sửa hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của linehot đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới linehot |

*Message báo lỗi*

***Màn hình chỉnh sửa***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 0 | Loại user |  | Drop-down list | Người dùng click trọng 1 trong 3 trạng thái  + thuê bao viettel cập nhập trường trường type\_user = 0.  + thuê bao vip cập nhập trường trường type\_user = 1.  + Thuê bao còn lại cập nhập trường trường type\_user = 2. |  |
| 1 | Tên | Bắt buộc | Textbox | Trường campaign | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 2 | Link | Bắt buộc | Textbox | Trường link | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-500 ký tự). |
| 3 | Browser –ảnh đại diện (.jpg) |  | Button | Trường image\_icon | Người dùng ấn button này hệ thống sẽ mở cửa sổ cho phép người dùng chọn file upload khi nguoiwf dùng chọn ảnh sai định dangjheej thoongs sẽ thông báo và yêu cầu chọn lại ảnh |
| 4 | Auto |  | checkbox | Trường auto | Khi không tích chọn chexbox hệ thống sẽ để giá trị mặc định của trường is\_auto = 0 khi tích chọn checkbox hệ thống sẽ cập nhập giá trị của trường is\_auto = 1 (kết quả hiển thị trên cột auto của màn hình) |
| 13 | Lưu |  | Button |  | Người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu các thông tin inlinebox *camp\_linehot* |
|  | cancel |  |  |  | Khi người dùng nhấn huy bỏ hệ thông sẽ quay về trang ban đầu và dữ liệu không được lưu vào bảng *camp\_linehot* |

### Quản lý danh sách lineHotDetail (bảng camp\_linehot)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách linehotDetail |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách, duyệt linehotDetail |
| **Tác nhân** | Biên tập |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Duyệt banner thành công |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “linehotDetail” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng thao tác | Màn hình lineHot |
| 1. Tại màn hình linehotDetail, người dùng chọn những banner cần hiển thị | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã có linehotDetail nào được chọn chưa 2. Nếu đã có linehotDetail được chọn, hệ thống sẽ hiển thị các lineHot | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình linehotDetail, người dùng chọn những banner cần hiển thị | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã có banner nào được chọn chưa 2. Nếu chưa có banner được chọn, hệ thống sẽ báo lỗi và yêu cầu người dùng chọn ít nhất một banner | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm inlinebox***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Campaign |  |  |  | Dữ liệu được lấy từ bẳng cam\_linehot khi click vào button tìm kiếm hệ thống sẽ hiển thị tên của các bản ghi trong bảng camp\_linehot sau đó người dùng có thể tích chọn một tên, ngoài ra người dùng có thế tìm kiếm được (chú ý : chỉ lấy các bản ghi có active = 1) |
| 1 | Sms Reg | Bắt buộc | Textbox | Trường sms\_reg | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-128 ký tự). |
| 2 | Sms Confirm | Bắt buộc | Textbox | Trường sms\_confirm | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-128 ký tự). |
|  | Channel Confirm | Bắt buộc |  | Trường channel\_confirm | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-128 ký tự). |
|  | Channel | Bắt buộc |  | Trường channel | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-128 ký tự). |
|  | Service | Bắt buộc |  | Trường service | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-128 ký tự). |
| 3 | Browser –ảnh đại diện (.ipg|jpge|png) |  | Button | Trường image\_reg | Người dùng ấn button này hệ thống sẽ mở cửa sổ cho phép người dùng chọn file upload khi nguoiwf dùng chọn ảnh sai định dangjheej thoongs sẽ thông báo và yêu cầu chọn lại ảnh |
| 13 | Lưu |  | Button |  | Người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu các thông tin inlinebox *camp\_linehot\_detail* |
|  | cancel |  |  |  | Khi người dùng nhấn huy bỏ hệ thông sẽ quay về trang ban đầu và dữ liệu không được lưu vào bảng *camp\_linehot\_detail* |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của *linehot* đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của *linehot* đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1 và bản ghi đó không hiển thị trên màn hình cms.
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Duyệt***

* Khi người dùng click chọn chexbox của *linehot* đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một đối tượng”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Tìm kiếm***

* Tìm kiếm theo trạng thái: có 3 trạng thái

+ Đã duyệt: hiển thị kết quả có trường active = 1

+ chờ duyệt : hiển thị kết quả có trường active = 0

+ tất cả : hiển thị tất cả các bản ghi có trường active = 0, 1.

* **Tìm kiếm theo campaign**
* Danh sách **campaign**  được lấy trong bảng camp\_linehot
* Khi người dùng lựa chọn **campaign** cần tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường linehot\_id trong bảng camp\_linehot\_detail và hiển thị hết quả tương ứng.

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ID |  |  | Trường id |  |
|  | Ảnh |  |  | Lấy từ từ trường image\_reg |  |
|  | Camaign |  |  | Từ trường linehot\_id thực hiện join vào bảng camp\_linehot để lấy tên tương ứng với trường linehot\_id |  |
|  | Sms reg |  |  | Từ trường sms\_reg |  |
|  | Sms confirm |  |  | Trường sms\_confirm |  |
|  | channel |  |  | Trường channel |  |
|  | active |  |  | Trường acitve | Trường active có giá trị mặc định bằng 0 |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng click vào button sửa hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của linehot đã chọn cho người dùng cập nhật các trường rang buộc giống với tạo mới linehot detail (chú ý màn hình chỉnh sửa trường image\_reg không bắt buộc) |

*Message báo lỗi*

### Quản lý danh sách Ga (bảng camp\_ga\_info)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý danh sách Ga |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý danh sách, duyệt Ga |
| **Tác nhân** | Biên tập |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Thực hiện các chức năng trong bảng Ga thành công |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Danh sách ga” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng thao tác | Màn hình Ga |
| 1. Tại màn hình Danh sách ga, người dùng chọn những banner cần hiển thị | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã có Ga nào được chọn chưa 2. Nếu đã có Danh sách ga được chọn, hệ thống sẽ hiển thị các Ga | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Tại màn hình Danh sách ga, người dùng chọn những banner cần hiển thị | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem đã có banner nào được chọn chưa 2. Nếu chưa có banner được chọn, hệ thống sẽ báo lỗi và yêu cầu người dùng chọn ít nhất một banner | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm inlinebox***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 1 | Ga name | Bắt buộc | Textbox | Trường ga\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông báo không được bỏ trống  khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 3-500 ký tự).  Khi người dùng nhập Ga name trùng với tên đã có trong csdl hệ thống sẽ thông báo và yêu cầu nhập lại |
| 2 | Command code | Bắt buộc | Textbox | Trường command\_code | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống  khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 3-200 ký tự). |
| 3 | Channel Confirm |  | Button | Trường channel\_confirm |  |
| 4 | Content Confirm |  | checkbox | Trường content\_confirm |  |
| 13 | Lưu |  | Button |  | Người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu các thông tin inlinebox *camp\_ga\_info* |
|  | cancel |  |  |  | Khi người dùng nhấn huy bỏ hệ thông sẽ quay về trang ban đầu và dữ liệu không được lưu vào bảng *camp\_ga\_info* |

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của ***Ga*** đó sau đó click vào button **ẩn** hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của ***Ga*** đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1 và bản ghi đó kho hiện trên màn màn hình hiển thị.
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Duyệt***

* Khi người dùng click chọn chexbox của ***Ga*** đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. ***Tìm kiếm***

* Tìm kiếm theo tên : khi người dùng nhập tìm khóa tìm kiếm hệ thống sẽ tìm kiếm theo trường ga\_name và sẽ trả về kết quả tương ứng với từ khóa đó .
* Tìm kiếm theo trạng thái: có 4 trạng thái

+ Đã duyệt: hiển thị kết quả có trường active = 1

+ chờ duyệt : hiển thị kết quả có trường active = 0

+ tất cả : hiển thị tất cả các bản ghi có trường active = 0 / 1.

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ID |  |  | Trường id |  |
|  | Ga name |  |  | Lấy từ trường ga\_name |  |
|  | Command\_code |  |  | Trường commend\_code |  |
|  | Channel confirm |  |  | Từ trường channel\_confirm |  |
|  | Content confirm |  |  | Trường content |  |
|  | Sửa |  | Button |  | Người dùng click vào button sửa hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của linehot đã chọn cho người dùng cập nhật các trường |

* ***Thông tin hiển thị trên màn hình sửa***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên trường** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 1 | Ga name | Bắt buộc | Textbox | Trường ga\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông báo không được bỏ trống  khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-500 ký tự). |
| 2 | Command code | Bắt buộc | Textbox | Trường command\_code | Khi người dùng không nhập dữ liệu hệ thống sẽ thông bảo không được bỏ trống  khi nhập quá độ dài quy đinh hệ thống cũng thông báo nhập lại (length: 1-200 ký tự). |
| 3 | Channel Confirm |  | Button | Trường channel\_confirm |  |
| 4 | Content Confirm |  | checkbox | Trường content\_confirm |  |
| 13 | Lưu |  | Button |  | Người dùng ấn button này, hệ thống sẽ lưu các thông tin inlinebox *camp\_ga\_info* |
|  | cancel |  |  |  | Khi người dùng nhấn huy bỏ hệ thông sẽ quay về trang ban đầu và dữ liệu không được lưu vào bảng *camp\_ga\_info* |

*Message báo lỗi*

## Quản lý danh mục

### Quy trình nghiệp vụ

#### Thông tin chung

* Quản lý hệ thống

#### Luồng quy trình



#### Mô tả các bước trong quy trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Tên bước | Mô tả | Đối tượng sử dụng |
| **Luồng dữ liệu chính** | | | |
| 1 | Tạo mới danh sách danh mục | Biên tập có thể tạo mới danh sách danh mục | Ban biên tập |
| 2.2 | Duyệt | Sau khi danh mục được tạo, Ban biên tập sẽ vào hệ thống để duyệt | Ban biên tập |
| Luồng dữ liệu rẽ nhánh | | | |
| 2.1 | Từ chối duyệt | Sau khi danh mục được tạo, Ban biên tập sẽ xem xét và có thể từ chối duyệt danh mục | Ban biên tập |

### Yêu cầu chi tiết chức năng

#### Mô hình phân rã chức năng



### Quản lý chuyên mục (bảng categoris)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý chuyên mục |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý chuyên mục |
| **Tác nhân** | Bộ phận btv |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được quản lý chuyên mục |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “quản lý chuyên mục” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem quản lý chuyên mục | Màn hình quản lý chuyên mục |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Cate name | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường cate\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu cho trường này hệ thống sẽ thông báo không được để trống hoặc  khi người dùng nhập quá độ dài hệ thống cũng sẽ hiển thị thông báo “trường cate\_name không được lơn hơn 500 ký tự” độ dài (1-500 ký tự)  Khi người dùng nhập tên cate trung tên với tên cate đã có trong csdl hệ thống sẽ thông báo tên đã có trong csdl. |
|  | Trạng thái hoạt động |  | checkbox | Trường active | Giá trị mặc định là 0 khi người dùng click chọn checkbox hệ thống sẽ lưu trường active = 1; |
|  | Browser - File image đại diện |  | Button | Trường film\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Description |  | Texarea | Trường description |  |
|  | Order Male |  | Textarea(vachar) | Trường order\_male | Giá trị mặc định là 0 |
|  | Order Female |  | Number | Trường order\_female | Giá trị mặc định bằng 0 |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bỏ quá trình tạo categoris và quay về trang quản lý categoris |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng categoris  Khi click button save hệ thống sẽ kiểm tra các điều kiện rang buộc của các trường hệ thống sẽ thông báo yêu cầu nhập cho đúng. |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn Ẩn hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn Xóa hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Duyệt**

* **Khi người dùng click chọn chexbox của một bản ghi đó sau đó click vào button Duyệt hệ thống sẽ sẽ update theo 3 trường hợp**
  + **Khi người dùng chọn hiển thị trên cms active =1;**
  + **Khi người dùng chọn hiển thị listcase active = 2;**
  + **Khi người dùng chọn không hiển thị listcase active = 3**
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDCate: tìm kiếm theo trường id trong bảng categoris.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường cate\_name trong bảng categoris.

+Description: tìm kiếm theo trường descripton trong bảng categoris.

+ Tất cả có thể nhập ID hoặc tên cate hoặc description để tìm kiếm.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Tất cả: trong dữ liệu có trạng thái active = 0,1,2,3

**+Chỉ hiển htij trên cms: cate có active = 1.**

**+ Hiển thị listcase : actove = 2;**

**+ không hiển thị listcase: active = 3;**

+ Ẩn: cate có active = 0;

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  | Sử dụng để tích chọn sau đó thực hiện các chức năng ẩn duyệt hoặc xóa |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường cate\_name |  |
|  | Ảnh |  |  |  | Khi người dùng không chọn ảnh khi thêm mới hệ thống sẽ lấy ảnh mặc định của hệ thống. |
|  | Trạng thái |  |  | Trường active |  |
|  | Sửa |  | icon |  | Khi người dùng click icon sửa hệ thống sẽ hiển thị màn hình sửa giống như màn hình thêm mới các trường dữ liệu rang buộc giống với màn hình thêm mới. |
|  | Chi tiết |  | icon |  | Khi người dùng click icon chi tiết hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết vầ trường và giá trị của trường tương ứng |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý Kênh (bảng Channels)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý Kênh |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý kênh |
| **Tác nhân** | Bộ phận btv |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được quản lý kênh |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “quản lý kênh” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem quản lý kênh | Màn hình quản lý kênh |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên kênh | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường channel\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu cho trường này hệ thống sẽ thông báo không được để trống hoặc  khi người dùng nhập quá độ dài hệ thống cũng sẽ hiển thị thông báo “trường channel\_name không được lơn hơn 500 ký tự” độ dài (1-500 ký tự)  Khi người dùng nhập tên cate trung tên với tên cate đã có trong csdl hệ thống sẽ thông báo tên đã có trong csdl. |
|  | Vị trí |  |  | number |  |
|  | Chọn chuyên mục | Bắt buộc | selectbox | Trường cate\_id | Khi click vào button hệ thống sẽ hiển thị danh sách các chuyên mục trong bảng categoris có trường active = 1  Người dùng cũng có thể thể tìm kiếm chuyên mục muốn hiển thị trong bảng ds các chuyên mục |
|  | Is\_suggestion |  | Checkbox | Trường is\_ suggestion | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_suggestion bằng 1 |
|  | Kênh chính thống |  | checkbox | Trường is\_officical | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_officical bằng 1 |
|  | isVTM |  | checkbox |  | Khi click checkbox isVTM hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id bằng 1 trong bảng video\_items của video có trường channel\_id = id của bảng channel |
|  | Mô tả |  |  | Trường descriptions |  |
|  | Browser - File Ảnh avatar | Bắt buộc | Button | Trường channel\_avatar | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Browser - File ảnh banner | Bắt buộc | Button | Trường banner\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bỏ quá trình tạo channel và quay về trang quản lý kênh |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng channel  Khi click button save hệ thống sẽ kiểm tra các điều kiện rang buộc của các trường hệ thống sẽ thông báo yêu cầu nhập cho đúng. |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* **Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 1**
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn Ẩn hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* **Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0**
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn Xóa hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Duyệt**

* **Khi người dùng click chọn chexbox của một bản ghi đó sau đó click vào button Duyệt hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 2**
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDChannel: tìm kiếm theo trường id trong bảng channels.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường channel\_name trong bảng channels.

+Description: tìm kiếm theo trường descripton trong bảng channels.

+ Tất cả có thể nhập ID hoặc tên cate hoặc description để tìm kiếm.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

**+ Tất cả: trong dữ liệu có trạng thái active = 1, 2.**

**+ Đã duyệt: cate có active = 2.**

**+ Ẩn : cate có active = 1;**

* Tìm kiếm theo chuyên mục:

+ khi người dùng chọn một chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống tìm kiếm theo trường cate\_id của chuyên mục đó

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  | Sử dụng để tích chọn sau đó thực hiện các chức năng ẩn, duyệt hoặc xóa |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường channel\_name |  |
|  | Ảnh |  |  | Trường channel\_avatar | Khi người dùng không chọn ảnh khi thêm mới hệ thống sẽ lấy ảnh mặc định của hệ thống. |
|  | Chuyên mục |  |  | Trường cate\_id | Từ trường cate\_id hệ thống sẽ join vào bảng categoris so sánh id trong bảng categors với trường cate\_id để lấy lên tương ứng với cate\_id đó |
|  | SDT |  |  | Trường msisdn |  |
|  | Is\_suggestion |  |  | Trường is\_ suggestion |  |
|  | Kênh chính thống |  |  | Trường oficical |  |
|  | Thời gian tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Trạng thái |  |  | Trường active |  |
|  | Sửa |  | Tên channel link |  | Khi người dùng click tên channel hệ thống sẽ hiển thị màn hình sửa giống như màn hình thêm mới các trường dữ liệu rang buộc giống với màn hình thêm mới. |

***Mà hình chỉnh sửa***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên kênh | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường channel\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu cho trường này hệ thống sẽ thông báo không được để trống hoặc  khi người dùng nhập quá độ dài hệ thống cũng sẽ hiển thị thông báo “trường channel\_name không được lơn hơn 500 ký tự” độ dài (1-500 ký tự) |
|  | Vị trí |  |  | number |  |
|  | Chọn chuyên mục | Bắt buộc | selectbox | Trường cate\_id | Khi click vào button hệ thống sẽ hiển thị danh sách các chuyên mục trong bảng categoris có trường active = 1  Người dùng cũng có thể thể tìm kiếm chuyên mục muốn hiển thị trong bảng ds các chuyên mục |
|  | Is\_suggestion |  | Checkbox | Trường is\_ suggestion | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_suggestion bằng 1 |
|  | Kênh chính thống |  | checkbox | Trường is\_officical | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_officical bằng 1 |
|  | isVTM |  | checkbox |  | Khi click checkbox isVTM hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id bằng 1 trong bảng video\_items của video có trường channel\_id = id của bảng channel |
|  | Mô tả |  |  | Trường descriptions |  |
|  | Browser - File Ảnh avatar |  | Button | Trường channel\_avatar | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Browser - File ảnh banner |  | Button | Trường banner\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bỏ quá trình tạo channel và quay về trang quản lý kênh |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng channel  Khi click button save hệ thống sẽ kiểm tra các điều kiện rang buộc của các trường hệ thống sẽ thông báo yêu cầu nhập cho đúng. |

*Message báo lỗi*

N/A

### Quản lý user kênh (bảng Channels được lấy các bản ghi có trường msisdn tồn tại)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý Kênh |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý kênh |
| **Tác nhân** | Bộ phận btv |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được quản lý kênh |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “quản lý kênh” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem quản lý kênh | Màn hình quản lý kênh |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên kênh | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường channel\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu cho trường này hệ thống sẽ thông báo không được để trống hoặc  khi người dùng nhập quá độ dài hệ thống cũng sẽ hiển thị thông báo “trường channel\_name không được lơn hơn 500 ký tự” độ dài (1-500 ký tự)  Khi người dùng nhập tên cate trung tên với tên cate đã có trong csdl hệ thống sẽ thông báo tên đã có trong csdl. |
|  | Vị trí |  |  | number |  |
|  | Chọn chuyên mục | Bắt buộc | selectbox | Trường cate\_id | Khi click vào button hệ thống sẽ hiển thị danh sách các chuyên mục trong bảng categoris có trường active = 1  Người dùng cũng có thể thể tìm kiếm chuyên mục muốn hiển thị trong bảng ds các chuyên mục |
|  | Is\_suggestion |  | Checkbox | Trường is\_ suggestion | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_suggestion bằng 1 |
|  | Kênh chính thống |  | checkbox | Trường is\_officical | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_officical bằng 1 |
|  | isVTM |  | checkbox |  | Khi click checkbox isVTM hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id bằng 1 trong bảng video\_items của video có trường channel\_id = id của bảng channel |
|  | Mô tả |  |  | Trường descriptions |  |
|  | Browser - File Ảnh avatar | Bắt buộc | Button | Trường channel\_avatar | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Browser - File ảnh banner | Bắt buộc | Button | Trường banner\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bỏ quá trình tạo channel và quay về trang quản lý kênh |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng channel  Khi click button save hệ thống sẽ kiểm tra các điều kiện rang buộc của các trường hệ thống sẽ thông báo yêu cầu nhập cho đúng. |

*Message báo lỗi*

N/A

1. **Ẩn**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button ẩn hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 0
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn Ẩn hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Xóa**

* Khi người dùng click chọn chexbox của film đó sau đó click vào button Xóa hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = -1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn Xóa hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Duyệt**

* Khi người dùng click chọn chexbox của một bản ghi đó sau đó click vào button **Duyệt** hệ thống sẽ sẽ update lại trường active = 1
* Khi người dùng không chọn checkbox nhấn duyệt hệ thống sẽ thông báo “bạn cần chọn một bản ghi”. Người dùng quay lại trang là thực hiện lại chức năng.

1. **Chức năng tìm kiếm**

* **Tìm kiếm theo từ khóa**
* Khi người dùng lựa chọn từ khóa từ khóa tìm kiếm.

+ IDChannel: tìm kiếm theo trường id trong bảng channels.

+ ItemName: tìm kiếm theo trường channel\_name trong bảng channels.

+Description: tìm kiếm theo trường descripton trong bảng channels.

+ Tất cả có thể nhập ID hoặc tên cate hoặc description để tìm kiếm.

* **Tìm kiếm theo hoạt động**
* tìm kiếm theo trạng thái active :

+ Tất cả: trong dữ liệu có trạng thái active = -1, 0, 1.

+ Đã duyệt: cate có active = 1.

+Xóa: cate có active = -1

+ Ẩn : cate có active = 0;

* Tìm kiếm theo chuyên mục:

+ khi người dùng chọn một chuyên mục cần tìm kiếm hệ thống tìm kiếm theo trường cate\_id của chuyên mục đó

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | checkbox |  | checkbox |  | Sử dụng để tích chọn sau đó thực hiện các chức năng ẩn, duyệt hoặc xóa |
|  | Tên |  |  | Lấy từ từ trường channel\_name |  |
|  | Ảnh |  |  | Trường channel\_avatar | Khi người dùng không chọn ảnh khi thêm mới hệ thống sẽ lấy ảnh mặc định của hệ thống. |
|  | Chuyên mục |  |  | Trường cate\_id | Từ trường cate\_id hệ thống sẽ join vào bảng categoris so sánh id trong bảng categors với trường cate\_id để lấy lên tương ứng với cate\_id đó |
|  | Đối tác |  |  | Trường partner\_id | Từ trường partner\_id hệ thống sẽ join vào bảng partner so sánh id trong bảng partner với trường channel\_id để lấy lên tương ứng với channel\_id đó |
|  | SDT |  |  | Trường msisdn |  |
|  | Is\_suggestion |  |  | Trường is\_ suggestion |  |
|  | Kênh chính thống |  |  | Trường oficical |  |
|  | Thời gian tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Trạng thái |  |  | Trường active |  |
|  | Sửa |  | Tên channel link |  | Khi người dùng click tên channel hệ thống sẽ hiển thị màn hình sửa |

***Mà hình chỉnh sửa***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên kênh | Bắt buộc | Textbox (varchar) | Trường channel\_name | Khi người dùng không nhập dữ liệu cho trường này hệ thống sẽ thông báo không được để trống hoặc  khi người dùng nhập quá độ dài hệ thống cũng sẽ hiển thị thông báo “trường channel\_name không được lơn hơn 500 ký tự” độ dài (1-500 ký tự) |
|  | Vị trí |  |  | number |  |
|  | Chọn chuyên mục | Bắt buộc | selectbox | Trường cate\_id | Khi click vào button hệ thống sẽ hiển thị danh sách các chuyên mục trong bảng categoris có trường active = 1  Người dùng cũng có thể thể tìm kiếm chuyên mục muốn hiển thị trong bảng ds các chuyên mục |
|  | Is\_suggestion |  | Checkbox | Trường is\_ suggestion | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_suggestion bằng 1 |
|  | Kênh chính thống |  | checkbox | Trường is\_officical | Giá trị mặc định =0 khi click checkbox trường is\_officical bằng 1 |
|  | isVTM |  | checkbox |  | Khi click checkbox isVTM hệ thống sẽ cập nhập trường source\_id bằng 1 trong bảng video\_items của video có trường channel\_id = id của bảng channel |
|  | Mô tả |  |  | Trường descriptions |  |
|  | Browser - File Ảnh avatar |  | Button | Trường channel\_avatar | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Browser - File ảnh banner |  | Button | Trường banner\_image | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ mở cửa sổ để người dùng chọn file upload lựa chọn các định dạng ảnh đúng với quy định(jpg, jpeg png) khi người dùng lựa chọn ảnh sai đinh dạng hoặc sai lích thước (120x68) mà click button save hệ thống sẽ báo lỗi “bạn không để trường này trống hoặc ảnh sai định dạng” hoặc sai kích thước |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bỏ quá trình tạo channel và quay về trang quản lý kênh |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin video vào bảng channel  Khi click button save hệ thống sẽ kiểm tra các điều kiện rang buộc của các trường hệ thống sẽ thông báo yêu cầu nhập cho đúng. |

*Message báo lỗi*

N/A

## Quản trị hệ thống

### Quy trình nghiệp vụ

#### Thông tin chung

* Quản lý hệ thống

#### Luồng quy trình



#### Mô tả các bước trong quy trình

N/A

### Yêu cầu chi tiết chức năng

#### Mô hình phân rã chức năng



### Quản lý user (bảng dm\_user)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý User |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý User |
| **Tác nhân** | Super\_Admin |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách user cần quản lý và các chức năng trong đó |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý user” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem Quản lý user | Màn hình Quản lý user |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý user” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin Quản lý user | Màn hình thêm Quản lý user |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin user, người dùng nhập những thông tin cần thiết của user | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong bảng **dm\_user** đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin user vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***
* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm User***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tài khoản | Bắt buộc | Varchar | Trường username | Trường không được để trống, nếu để trống hệ thống thông báo Trường username không được để trống  Khi thêm mới user không nhập tên user trùng với tên user đã tồn tại trong csdl, nếu trùng hệ thống sẽ thông báo lỗi  Cho phép nhập dước 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi |
|  | Email | Bắt buộc | Varchar | Trường email | Trường không được để trống, nếu để trống hệ thống thông báo Trường email không được để trống  Khi thêm mới user không nhập email trùng với email đã tồn tại trong csdl, nếu trùng hệ thống sẽ thông báo lỗi  Cho phép nhập dước 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi,  Email phải nhập cùng định dạng (vd @gmail.com.) |
|  | Mật khẩu | Bắt buộc | Varchar | Trường password | Trường không được để trống, nếu để trống hệ thống thông báo Trường password không được để trống  Cho phép nhập dước 128 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi |
|  | Comfirm Password |  |  |  | Trường không được để trống, nếu để trống hệ thống thông báo lỗi  Cho phép nhập dưới 128 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi,  Khi nhập mật khẩu không trùng cới trường password hệ thống sẽ thống báo trường xác thực mật khẩu và mật khẩu phải giống nhau |
|  | Roles |  |  | Danh sách Các nhóm vai trò được lấy từ bảng **roles** | Có thể lựa chọn nhóm vai trò cho user |
|  | Quyền |  |  | Danh sách các quyền được lấy từ bảng **permissions** | Người dùng có thể lựa chọn các quyền trương ứng của user |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo user và quay về trang user |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin user vào bảng dm\_user |

* **Số trang**
* Hiển thị số lượng bản ghi tương ứng với việc lựa chọn selectbox.
* **Tìm kiếm theo tên (theo trường username)**
* Khi người dùng nhập tên user muốn tìm kiếm hệ thống sẽ trả về kết quả tương ứng với thông tin của user đó

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tài khoản |  |  | Trường username |  |
|  | Email |  |  | Lấy từ từ trường email |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Ngày cập nhập |  |  | Từ trường updated\_at |  |
|  | Xóa |  | Buttom |  | Khi người dùng click vào button xóa hệ thống sẽ xóa user đó ra lhoir csdl |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên tài khoản hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của tài khoản đã chọn cho người dùng cập nhật, các trường rang buộc giống với tạo mới user, bổ sung thêm button thay đổi mất khẩu  Khi người dùng click vào button này sẽ hiển thị 2 input nhập mật khẩu và xác nhận mật khẩu điều kiện rang buộc giống với khi them mới user |

*Message báo lỗi*

### Quản lý danh sách nhóm (bảng roles)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý nhóm |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng quản lý nhóm |
| **Tác nhân** | Super\_Admin |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách user cần quản lý và các chức năng trong đó |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý nhóm” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem Quản lý nhóm | Màn hình Quản lý nhóm |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý nhóm” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin Quản lý user | Màn hình thêm Quản lý nhóm |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin nhóm, người dùng nhập những thông tin cần thiết của nhóm | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong bảng **roles** đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin nhóm vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***
* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm User***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên | Bắt buộc | Varchar | Trường name | Trường không được để trống, nếu để trống hệ thống thông báo Trường name không được để trống  Khi thêm mới user không nhập tên nhóm trùng với tên nhóm đã tồn tại trong csdl, nếu trùng hệ thống sẽ thông báo lỗi  Cho phép nhập dước 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi |
|  | Tên hiển thị |  | Varchar | Trường display\_name | Cho phép nhập dước 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi |
|  | Mô tả |  |  |  | Cho phép nhập dưới 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi, |
|  | Quyền |  |  | Danh sách các quyền được lấy từ bảng **permissions** | Người dùng có thể lựa chọn các quyền trương ứng của user |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo nhóm và quay về trang nhóm |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin nhóm vào bảng **roles** |

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên |  |  | Trường name |  |
|  | Tên hiển thị |  |  | Lấy từ từ trường display\_name |  |
|  | Mô tả |  |  | Trường description |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Ngày cập nhập |  |  | Từ trường updated\_at |  |
|  | Xóa |  | Buttom |  | Khi người dùng click vào button xóa hệ thống sẽ xóa nhóm đó ra lhoir csdl |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên tài khoản hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của tài khoản đã chọn cho người dùng cập nhật, các trường rang buộc giống với tạo mới nhóm, |

*Message báo lỗi*

### Quản lý quyền truy cập (bảng permissions)

##### Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Quản lý quyền truy cập |
| **Mô tả** | Chức năng này cho phép người dùng Quản lý quyền truy cập |
| **Tác nhân** | Super\_Admin |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Điều kiện sau** | Hệ thống hiển thị được danh sách user cần quản lý và các chức năng trong đó |
| **Ngoại lệ** | N/A |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | N/A |

##### Biểu đồ luồng xử lý chức năng



##### Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý quyền truy cập” tại menu trái của hệ thống | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng xem Quản lý quyền truy cập | Màn hình Quản lý quyền truy cập |

##### Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| N/A | N/A | N/A |

1. **Thêm mới**

* ***Biểu đồ luồng xử lý chức năng***



* ***Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của tác nhân** | **Phản ứng của hệ thống** | **Dữ liệu liên quan (C/R/U/D)** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống, click chuột vào link “Quản lý quyền truy cập” tại menu trái của hệ thống sau đó click vào button “thêm mới”. | 1. Hệ thống load màn hình tương ứng cho người dùng để nhập thông tin Quản lý quyền truy cập | Màn hình thêm Quản lý quyền truy cập |
| 1. Tại màn hình nhập thông tin quyền truy cập, người dùng nhập những thông tin cần thiết của nhóm | 1. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin vừa nhập trong bảng **permissions** đã đầy đủ và đúng chưa  * Nếu thông tin đã đầy đủ và đúng, hệ thống sẽ lưu lại thông tin nhóm vừa nhập | Refer tới phần ghi chú của chức năng này |

* ***Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)***
* ***Liệt kê các trường trên màn hình thêm User***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
|  | Tên | Bắt buộc | Varchar | Trường name | Trường không được để trống, nếu để trống hệ thống thông báo Trường name không được để trống  Khi thêm mới user không nhập tên nhóm trùng với tên nhóm đã tồn tại trong csdl, nếu trùng hệ thống sẽ thông báo lỗi  Cho phép nhập dước 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi |
|  | Tên hiển thị |  | Varchar | Trường display\_name | Cho phép nhập dước 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi |
|  | Mô tả |  |  |  | Cho phép nhập dưới 255 ký tự, khi nhập quá độ dài hệ thống sẽ thông báo lỗi, |
|  | Cannel |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ hủy bó quá trình tạo quyền truy cập và quay về trang quyền truy cập |
|  | Lưu |  | Button |  | Người dùng click button này thì hệ thống sẽ lưu thông tin nhóm vào bảng **permissions** |

*Message báo lỗi*

N/A

1. ***Thông tin hiển thị trên màn hình***

Các bản ghi hiển thị trên màn hình là tất cả các youtube video đã được group và đánh lại số thứ tự

*Liệt kê các trường trên màn hình*

| **#** | **Tên mục** | **Bắt buộc** | **Kiểu dữ liệu** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên |  |  | Trường name |  |
|  | Tên hiển thị |  |  | Lấy từ từ trường display\_name |  |
|  | Mô tả |  |  | Trường description |  |
|  | Ngày tạo |  |  | Trường created\_at |  |
|  | Ngày cập nhập |  |  | Từ trường updated\_at |  |
|  | Xóa |  | Buttom |  | Khi người dùng click vào button xóa hệ thống sẽ xóa nhóm đó ra lhoir csdl |
| 10 | Sửa |  | button |  | Người dùng clickvào tên tài khoản hệ thống sẽ mở thông tin chi tiết của tài khoản đã chọn cho người dùng cập nhật, các trường rang buộc giống với tạo mới quản lý trường truy cập |

*Message báo lỗi*

### 3.4.6. Đinh nghĩa các quyền

* + **SUPER\_ADMIN: Có quyền truy cập tất cả các trang và sử dụng tất cả các chức ăng trong cms.**
* **Nhóm quản lý nội dung: bao gồm các quyền**
  + **ADMIN\_VIDEO** : Có quyền truy cập vào toàn bộ các chức năng trong quản lý nội dung
  + **ADMIN\_DUYET\_VIDEO:** Có quyền truy cập vào trang “**DS video chờ duyệt”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + **ADMIN\_GO\_DUYET\_VIDEO**: có quyền truy cập vào trang “Ds video đã duyệt”
  + **ADMIN\_VIDEO\_LIVE:** Có quyền truy cập vào trang “**DS video Live”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_VIDEO\_IN\_FILM\_GROUP**](http://localhost:8000/permissions/386/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**DS video liên quan của bộ”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_FILM\_OF\_FILM**](http://localhost:8000/permissions/387/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**DS phim của bộ”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_VIDEO\_YOUTUBE**](http://localhost:8000/permissions/388/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**DS video youtube”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_VIDEO\_PRICE**](http://localhost:8000/permissions/389/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**DS video giá”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_VIDEO\_USER**](http://localhost:8000/permissions/390/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**DS video user”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_DUYET\_LAI\_VIDEO**](http://localhost:8000/permissions/392/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Duyệt lại video”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_FILM\_GROUP**](http://localhost:8000/permissions/393/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**DS tên bộ phim”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_CP**](http://localhost:8000/permissions/409/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Quản lý đối tác”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_FILM\_RELATED**](http://localhost:8000/permissions/408/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**DS phim bộ liên quan”** thực hiện các chức năng trong đó.
  + [**ADMIN\_RUNNING\_TEXT**](http://localhost:8000/permissions/407/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Quản lý running text”** thực hiện các chức năng trong đó.
* **Nhóm Ga: bao gồm các quyền**
  + [**ADMIN\_INLINE\_BOX**](http://192.168.202.64:8018/permissions/401/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Danh sách InLine Box”** thực hiện các chức năng trong đó
  + [**ADMIN\_LINEHOT**](http://192.168.202.64:8018/permissions/402/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Danh sách Line Hot”** thực hiện các chức năng trong đó
  + [**ADMIN\_LINEHOT\_DETAIL**](http://192.168.202.64:8018/permissions/403/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Danh sách Line Hot Detail”** thực hiện các chức năng trong đó
  + [**ADMIN\_GA\_LIST**](http://192.168.202.64:8018/permissions/404/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Ga”** thực hiện các chức năng trong đó
* **Nhóm Ga: Category and channel**
  + [**ADMIN\_CHANNEL**](http://192.168.202.64:8018/permissions/398/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Quản lý kênh”** thực hiện các chức năng trong đó
  + [**ADMIN\_CATEGORY**](http://192.168.202.64:8018/permissions/399/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Danh sách user kênh”** thực hiện các chức năng trong đó
  + [**ADMIN\_USER\_KENH**](http://192.168.202.64:8018/permissions/400/edit)**:** Có quyền truy cập vào trang “**Danh sách Kênh Detail”** thực hiện các chức năng trong đó

1. **CÁC YÊU PHI CHỨC NĂNG**

## Yêu cầu bảo mật

* Căn cứ số 2714//QĐ-VTQĐ-CNTT Quy chế bảo mật và an toàn thông tin trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội; số 1537/QĐ-VTQĐ-CNTT Quyết định ban hành các tiêu chuẩn an toàn thông tin các hệ thống, đối tượng cơ bản trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội.
* Tuân thủ quy định đảm bảo an toàn thông tin của Tập đoàn và guidline về ATTT về lập trình của Tập đoàn ban hành:SQL Injection, XSS, CSRF, Kiểm soát các file upload lên máy chủ, User enumeration, Session fixation, Session Hijacking, sử dụng Captcha an toàn, XML/Xpath injection.
* Hỗ trợ tùy chọn mã hóa thông tin user/password truy cập Database, File server, API Server.

## Yêu cầu sao lưu

1. Liệt kê các yêu cầu sao lưu của KH (khi đi khảo sát cán bộ khảo sát cần trao đổi với KH về nhu cầu sao lưu).
2. Nếu KH không đưa ra yêu cầu thì ghi rõ là “Khách hàng không có yêu cầu sao lưu” chứ không được để N/A.
3. Về cơ bản có thể một số yêu cầu sao lưu của KH không liên quan đến chức năng của hệ thống. Nhưng cần phải ghi lại trong PTYC để khi định cỡ hệ thống (dung lượng ổ cứng lưu trữ) cũng cần tính toán đến tham số này.

## Yêu cầu về tính ổn định

* Tính tin cậy:
  + Có khả năng tự bảo vệ (phòng lỗi)
* Có cơ chế chống quá tải cho các queue, stack, hashmap, đáp ứng các yêu cầu
  + Những yêu cầu quá thời gian timeout thì giải phóng
  + Reject những yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận
* Khả năng chịu lỗi: Lỗi chỉ ảnh hưởng đến chức năng bị lỗi
  + Có xử lý timeout, lỗi khi giao tiếp giữa các hệ thống
  + Có giải pháp đảm bảo tài nguyên dùng chung không bị xung đột: Connection: DB connection, FTP connection, file handler, Socket connection.
  + Có cơ chế cô lập các dịch vụ cung cấp đang bị lỗi. Không làm gián đoạn toàn bộ 100% dịch vụ
    - Hệ thống hỗ trợ HA (active – active, active – standby autoswtich)
    - Cho phép reload các tham số cấu hình dữ liệu đồng bộ thành nhiều lần
  + Trong trường hợp có quá nhiều yêu cầu tới 1 service vượt quá khả năng thì hệ thống sẽ tự động reject hoặc giảm khả năng tiếp nhận
  + Trong trường hợp các kết nối tới hệ thống bên ngoài bị lỗi (ví dụ kết ối database) thì hệ thống có cơ chế xử lý để giảm tải (xử lý timeout, retry, tăng dần thời gian retry) và rollback nghiệp vụ giao dịch
* Khả năng phục hồi
  + Có cơ chế backup dữ liệu hàng ngày về DB.
  + Cài đặt cơ chế backup tự động app theo định kì phục vụ cho việc rollback khi cần thiết
  + Đối với server: cơ chế bảo vệ là N+1, active-active load balancing
* Không có lỗi tiềm ẩn
  + Căn cứ teo văn bản Hướng dẫn lập trình tránh lỗi tiềm ẩn có mã văn bản 48/HD.00.CNTT.22 do Tập đoàn ban hành
* Chất lượng mã nguồn đảm bảo
  + Tuâ thủ theo Phụ lục 05 Checklist tiêu chuẩn mã nguồn ứng dụng của Quy trình QT.00.CNTT.28 do Tập đoàn ban hành

## Yêu cầu về hiệu năng

* Thời gian xử lý:
  + Đối với module CMS thời gian đáp ứng khi thực hiện các thao tác nghiệp vụ ≤ 3 giây với 90% các thao tác nghiệp vụ (Đối với các nghiệp vụ phải gọi hệ thống bên ngoài thì thời gian phản hồi ≤ tổng thời gian gọi hệ thống ngoài + 1 giây).Mục tiêu hiệu năng : 5 mục tiêu bắt buộc theo KPI phần mềm (bảng bên dưới)
  + Đối với module frontend, API thời gian đáp ứng khi thực hiện load trang chính + các thao tác nghiệp vụ ≤ 1 giây (Đối với các nghiệp vụ phải gọi hệ thống bên ngoài thì thời gian phản hồi ≤ tổng thời gian gọi hệ thống ngoài + 1 giây).
* Khả năng đáp ứng
  + Đối với module CMS đáp ứng được 100 người dùng đồng thời mà vẫn đảm bảo được thời gian xử lý
  + Đối với API, frontend đáp đứng được 3000 người dùng đồng thời mà vẫn đảm bảo được thời gian xử lý
* Hỗ trợ tốt cho các search engine
  + Đối với frontend thì yêu cầu hỗ trợ tốt về SEO (Search Engine Optimization)

## Yêu cầu về giao tiếp

### Giao diện người dùng

* Đáp ứng theo các tiêu chí trong quy định về UI/UX của Viettel có mã văn bản 290/QĐ-VITM-UIUX

### Giao tiếp phần cứng

*[Nếu hệ thống có giao tiếp với các phần cứng khác thì liệt kê ra ở đây]*

[Ví dụ  
Hệ thống kết nối với các thiết bị đầu cuối như: PDA, touch screen ….

]

### Giao tiếp phần mềm bên ngoài

* Hệ thống đảm bảo tích hợp với hệ thống core hiện tại của Viettel.

## Yêu cầu về tính hỗ trợ

[Guideline:

Liệt kê các yêu cầu và cam kết vể khả năng hỗ trợ hệ thống

]

[Ví dụ:

* Sau thời điểm triển khai, hệ thống được hỗ trợ bảo trì trong khoảng thời gian 2 tháng.
* Trong vòng 1 năm sử dụng đầu tiên, mọi lỗi PM đều được ưu tiên xử lý]

## Yêu cầu về công nghệ và các ràng buộc

* Sử dụng ngôn ngữ lập trình PHP (framework Yii2) cho API, CMS. Đối với các module mã hóa, tiến trình thì sử dụng ngôn ngữ Java (framework Spring Framework). Hệ thống chạy trên nền tảng Oracle 10.0, MySQL 5.6 trở lên
* Hệ thống chạy được trên nền tảng ảo hóa

## Các yêu cầu tài liệu người dùng và hỗ trợ trực tuyến

* Tài liệu hướng dẫn sử dụng: HDSD phần mềm có hình ảnh/ video, mô tả rõ ràng, dễ hiểu
* Tài liệu hướng dẫn vận hành, khai thác: Hướng dẫn sử dụng công cụ quản trị, cấu hình, thêm chức năng
* Tài liệu hướng dẫn cài đặt: Hướng dẫn cài đặt trên các môi trường window/ unix/ linux chi tiết, cụ thể (step by step) có hình ảnh/ video
* Tài liệu testcase
  + Hương dẫn + kết quả test từng chức năng dễ hiểu, rõ ràng, chi tiết, có hình ảnh/ video (step by step)
  + Hướng dẫn + kết quả test hiệu năng dễ hiểu, rõ ràng, chi tiết, có hình ảnh/ video (step by step)

## Các thành phần mua ngoài

*[Phần này mô tả các thành phần mua ngoài mà hệ thống sử dụng, license áp dụng hay hạn chế sử dụng, và bất cứ tieu chuẩn nào về tính tương thích, giao tiếp*

*Các yêu cầu được liệt kê hoặc điền N/A nếu không tồn tại yêu cầu loại này]*

## Yêu cầu về vận hành khai thác

* Các chức năng đặt ghi log nghiệp vụ.
* Các tiến trình đồng bộ đặt log.
* Hệ thống giám sát cảnh báo server khi gặp sự cố.
* Có mô tả chi tiết về việc ghi log của hệ thống để phục vụ việc phân tích, xử lý khi có lỗi xảy ra.
* Đối với các tiến trình Java cần được tích hợp hệ thống cảnh báo MM
* Các log hệ thống đáp ứng yêu cầu Quyết Định 1200/QĐ - VTQD – KT. Cung cấp mô tả chi tiết các khả năng giám sát, cơ chế cảnh báo cho nhân viên vận hành (qua email, SMS) của hệ thống.

## Yêu cầu về giải pháp hạ tầng

*[Phần này đưa ra giải pháp về hạ tầng phần cứng do QTDA chủ trì phối hợp với phòng KTHT thực hiện]*

## Yêu cầu về tính ghi log

*[Bắt buộc]*

*[Phần này phải mô tả rõ những loại log nghiệp vụ nào cần phải ghi, nội dụng ghi như thế nào, mô tả các dữ liệu quan trọng của hệ thống (thường là dữ liệu về tiền, hàng, các dữ liệu lõi của hệ thống) và các thao tác cần phải lưu lại log đối với các dữ liệu quan trọng này. Đối với log tác động của người dùng, tài liệu phải đánh trọng số làm 3 loại mức cao – mức trung bình – mức thấp. Đối với các loại log nghiệp vụ được lưu trong CSDL hệ thống, giải pháp có thể quy định thêm về thời gian tối thiểu lưu log, nếu không quy định thì mặc định là không xóa dữ liệu log này. Đối với các loại log khác thì vận hành khai thác sẽ quyết định thời gian tối thiểu của việc lưu log]*

# TIÊU CHUẨN NGHIỆM THU HỆ THỐNG

Hệ thống cần đạt được tất cả những tiêu chí bên trên.